

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Hòa

HẢI PHÒNG – 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỘNG LỰC T.N.T.C.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Hòa
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG – 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hòa

Mã SV: 2113401007

Lớp: QTL 2501K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- + Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- + Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.
- + Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Tại: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C - Số 114- LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Mai Linh
Học hàm, học vị : Thạc sĩ
Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 01 năm 2024
Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 05 năm 2024

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Hòa

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

XÁC NHẬN CỦA KHOA

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Mai Linh
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng.
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Hòa Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Nội dung hướng dẫn: Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ; Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C; Đánh giá những ưu , nhược điểm của công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty , trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2023). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C , trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	2
1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	2
1.1.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	2
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	5
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.	5
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	10
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	15
1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	17
1.2.4.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính	17
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	19
1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.	21
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	21
1.2.5.2 Kế toán chi phí hoạt động khác.....	22
1.2.6 Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	24
1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/TT-BTC	26
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung	27
1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	27
1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỘNG LỰC T.N.T.C	31
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	31

2.1.1.1. Lịch sử hình thành Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	31
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	32
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	33
2.1.3.1 Sơ đồ cấu trúc bộ máy.....	33
2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.....	33
2.1.4. Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C .	
.....	36
2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	36
2.1.4.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	39
2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán.....	39
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	41
2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	41
Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023	50
2.2.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	51
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.	59
2.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	65
2.2.5. Nội dung kế toán thu nhập và chi phí khác tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	71
2.2.6. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	72
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỘNG LỰC T.N.T.C.....	79
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	79
3.1.1. Ưu điểm.....	79
3.1.2. Hạn chế.....	81
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	82

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	82
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	83
KẾT LUẬN	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp	9
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý. (Theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng).....	9
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp..	10
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	13
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	14
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	16
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	18
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	20
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác	21
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác	23
Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	27
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	26
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái	28
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	29
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy	30
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	33
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty.....	36
Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	40
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	42
Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty	52
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLKD tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín.....	59
Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.....	65
Sơ đồ 2.8. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thu nhập, chi phí khác tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C	71

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	44
Biểu số 2.2: Giấy báo có	45
Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	46
Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung.....	47
Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511	48
Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng.....	49
Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp doanh thu	50
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho.....	53
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho.....	54
Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung.....	55
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632	56
Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn	57
Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp giá vốn.....	58
Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng	61
Biểu số 2.15: Phiếu chi.....	62
Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung.....	63
Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK642	64
Biểu số 2.18: Giấy báo có	66
Biểu số 2.19: Giấy báo nợ của ngân hàng.....	67
Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 515	69
Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK 635	70
Biểu số 2.23. Phiếu kế toán số 19	73
Biểu số 2.24. Phiếu kế toán số 20	73
Biểu số 2.25. Phiếu kế toán số 21	74
Biểu số 2.26. Phiếu kế toán số 22	74
Biểu số 2.27. Phiếu kế toán số 23	74
Biểu số 2.28: Trích sổ Nhật ký chung.....	75
Biểu số 2.29. Trích sổ cái TK 911	76
Biểu số 2.30. Trích sổ cái TK 421	77
Biểu số 2.31: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	78
Biểu số 3.1: Sổ chi phí quản lý kinh doanh	88

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế hiện nay, mỗi doanh nghiệp phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, phải chịu trách nhiệm trước kết quả kinh doanh của mình, bảo toàn được vốn kinh doanh và quan trọng hơn là kinh doanh có lãi. Muốn như vậy các doanh nghiệp phải nhận thức được tầm quan trọng của khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa vì nó quyết định đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và là cơ sở để doanh nghiệp có thu nhập bù đắp chi phí bỏ ra, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Bên cạnh đó, mục đích hoạt động của doanh nghiệp là lợi nhuận nên việc xác định đúng đắn kết quả kinh doanh là rất cần thiết. Do vậy bên cạnh các biện pháp quản lý chung, việc tổ chức hợp lý công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng giúp doanh nghiệp có đầy đủ thông tin kịp thời và chính xác để đưa ra quyết định đúng đắn.

Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của **Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh**, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C, em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C**” làm đề tài khóa luận của mình.

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Doanh thu*: Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Thu nhập khác*: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

- *Các khoản giảm trừ doanh thu*.

+ *Chiết khấu thương mại*: Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã

mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

+ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.

+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

- *Giá vốn hàng bán*: Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- *Chi phí quản lý kinh doanh* là: những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý chung của toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào.

- *Chi phí hoạt động tài chính*: Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

- *Chi phí khác* là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp* là : khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- *Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*.

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

+ *Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ*: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

+ *Kết quả hoạt động khác*: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

+ *Lãi sau thuế*: Là phần còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp

$Lãi sau thuế = Thu nhập chịu thuế - Thuế thu nhập doanh nghiệp$

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

+ Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

+ Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

+ Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

+ Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

+ Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

+ Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ Điều kiện ghi nhận Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ **Nguyên tắc kế toán doanh thu**

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phải đảm bảo thỏa mãn các nguyên tắc sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT; Hóa đơn bán hàng;
- + Phiếu xuất kho; Phiếu thu
- + Giấy báo có của Ngân hàng;
- + Các chứng từ khác có liên quan;

❖ **Tài khoản sử dụng:**

• **Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

- ✓ *Kết cấu TK 511:*

Bên Nợ:

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);
- Các khoản giảm trừ doanh thu;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

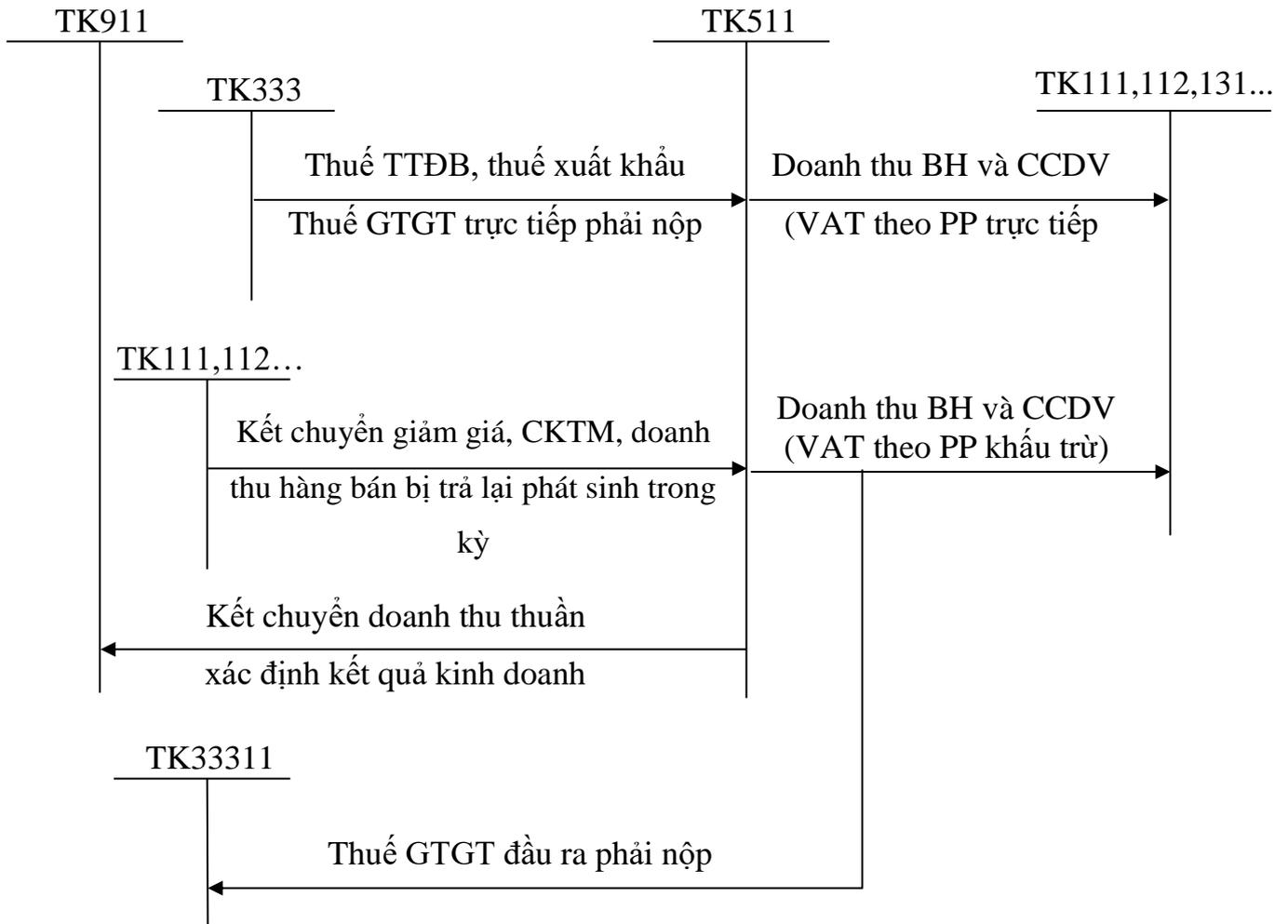
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

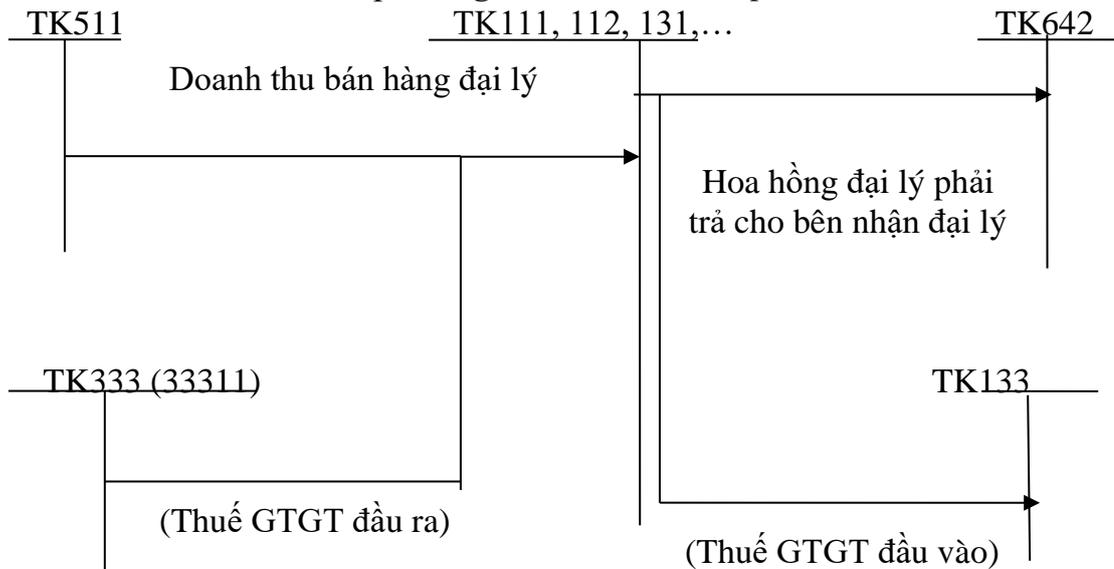
Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa*
- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm*
- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*
- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác*

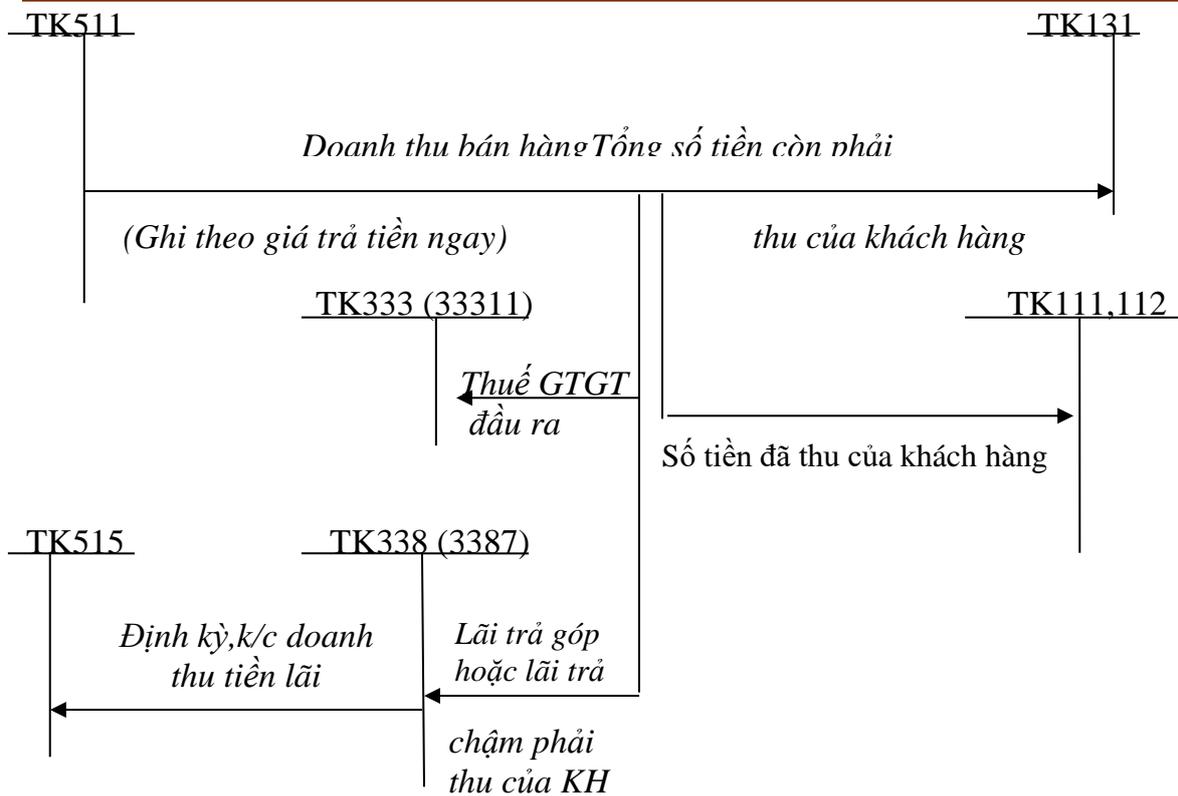
❖ Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức tiêu thụ



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý. (Theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng).



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của hàng hóa đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Để đưa ra giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá hàng xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp. Có 4 phương pháp thường được sử dụng:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+) *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.*

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

+) *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn).*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Phương pháp đơn giá bán lẻ:

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng. Phương pháp này giúp cho việc tính giá hàng hoá được dễ dàng trong trường hợp có nhiều mặt hàng hoặc nhiều chủng loại hàng hoá khác nhau mà các doanh nghiệp không thể xác định ngay được giá vốn của hàng hoá. Phương pháp giá bán lẻ áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị.

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- + Phiếu xuất kho;
- + Phiếu xuất kho kiêm bán nội bộ;
- + Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- **TK 632 – “ Giá vốn hàng bán”:** Giá vốn hàng là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ *Kết cấu TK 632:*

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã xuất bán theo hóa đơn;
- + Phản ánh chi phí Nguyên vật liệu; chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho và phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán;
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Phản ánh khoản chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;

+ Phản ánh chi phí tự XD, tự chế TSCĐ vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

Bên Có:

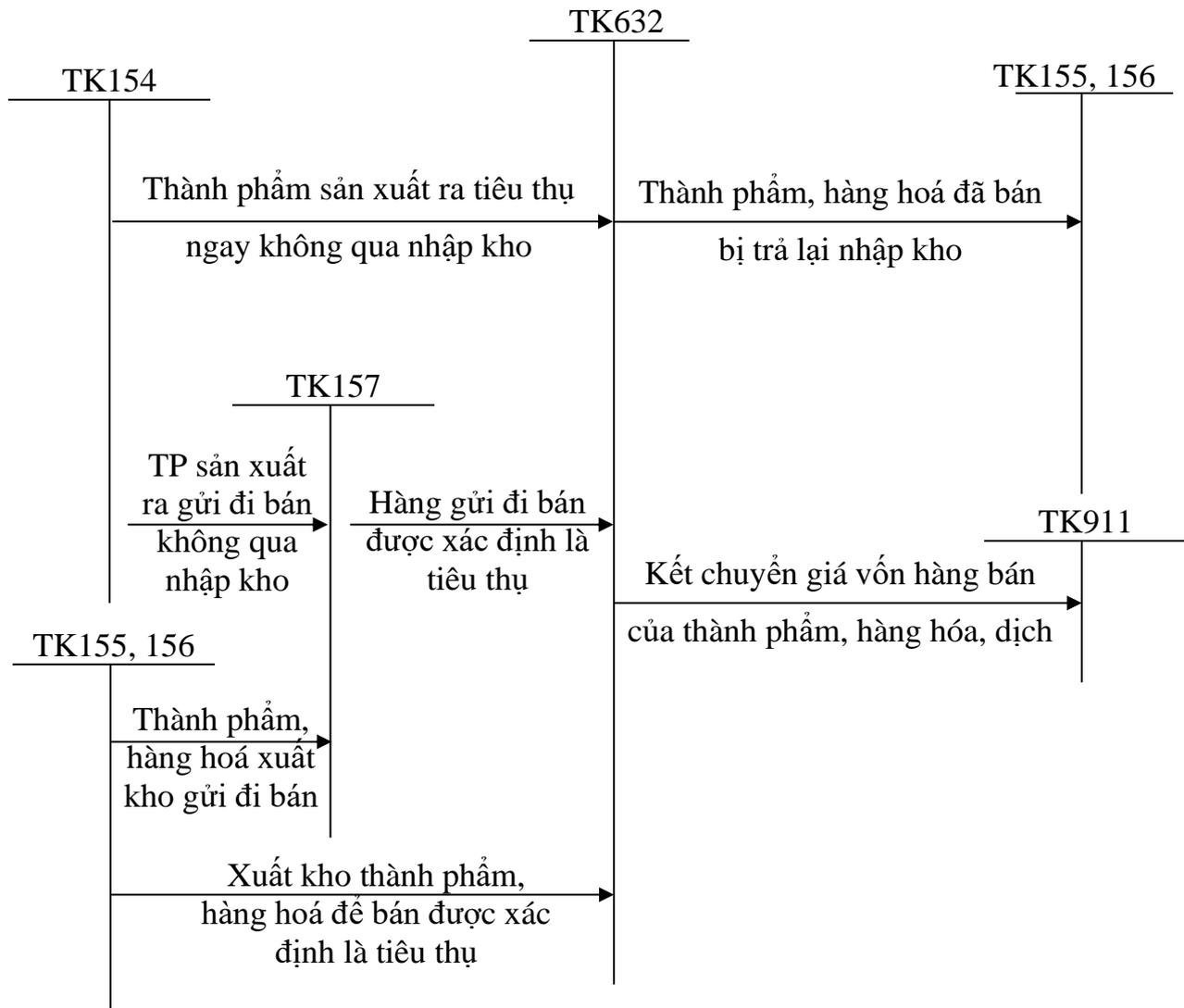
+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

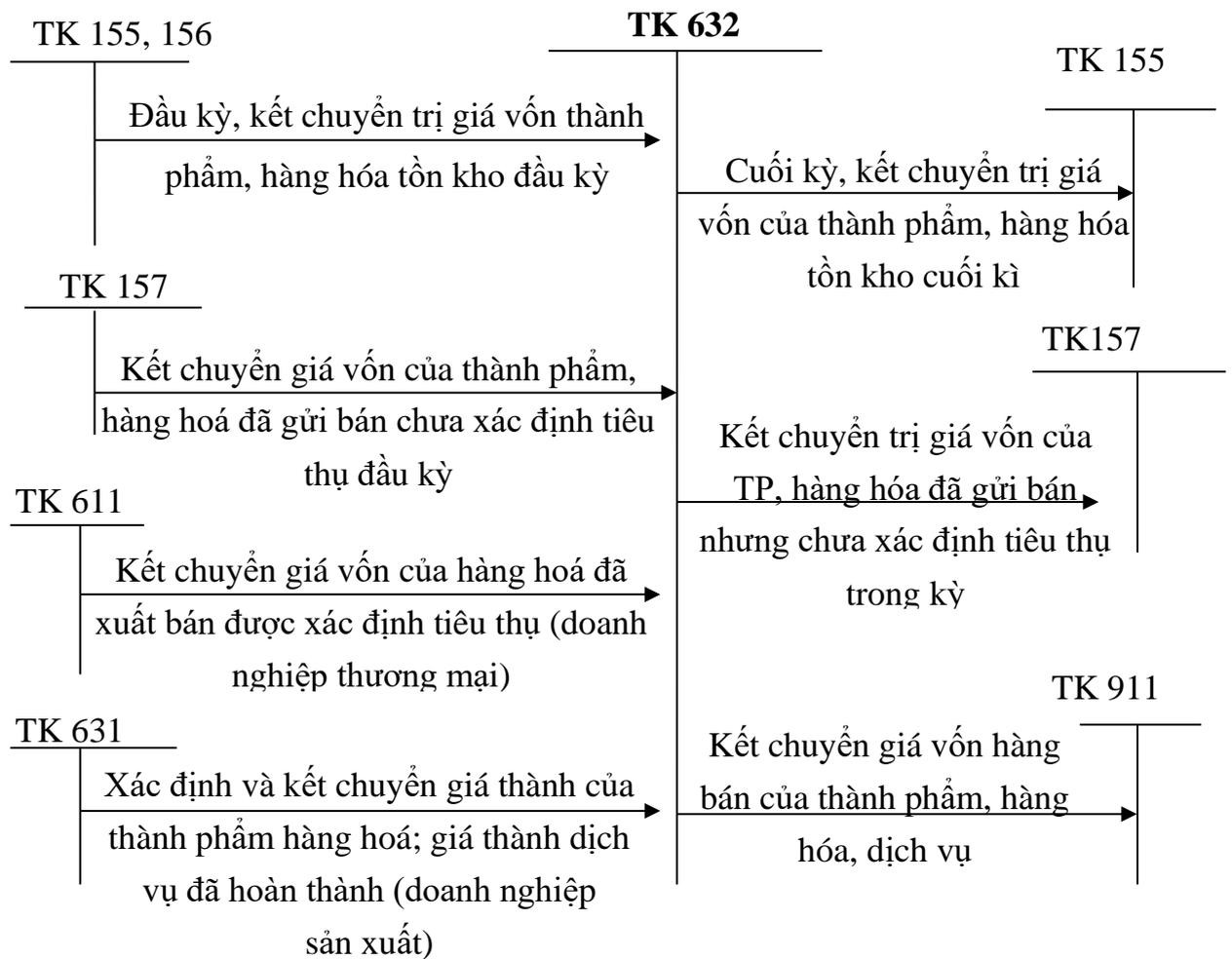
+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ TK 911

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

12.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- + Bảng phân bổ tiền lương;
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi...

❖ Tài khoản sử dụng:

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Bên Có:

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

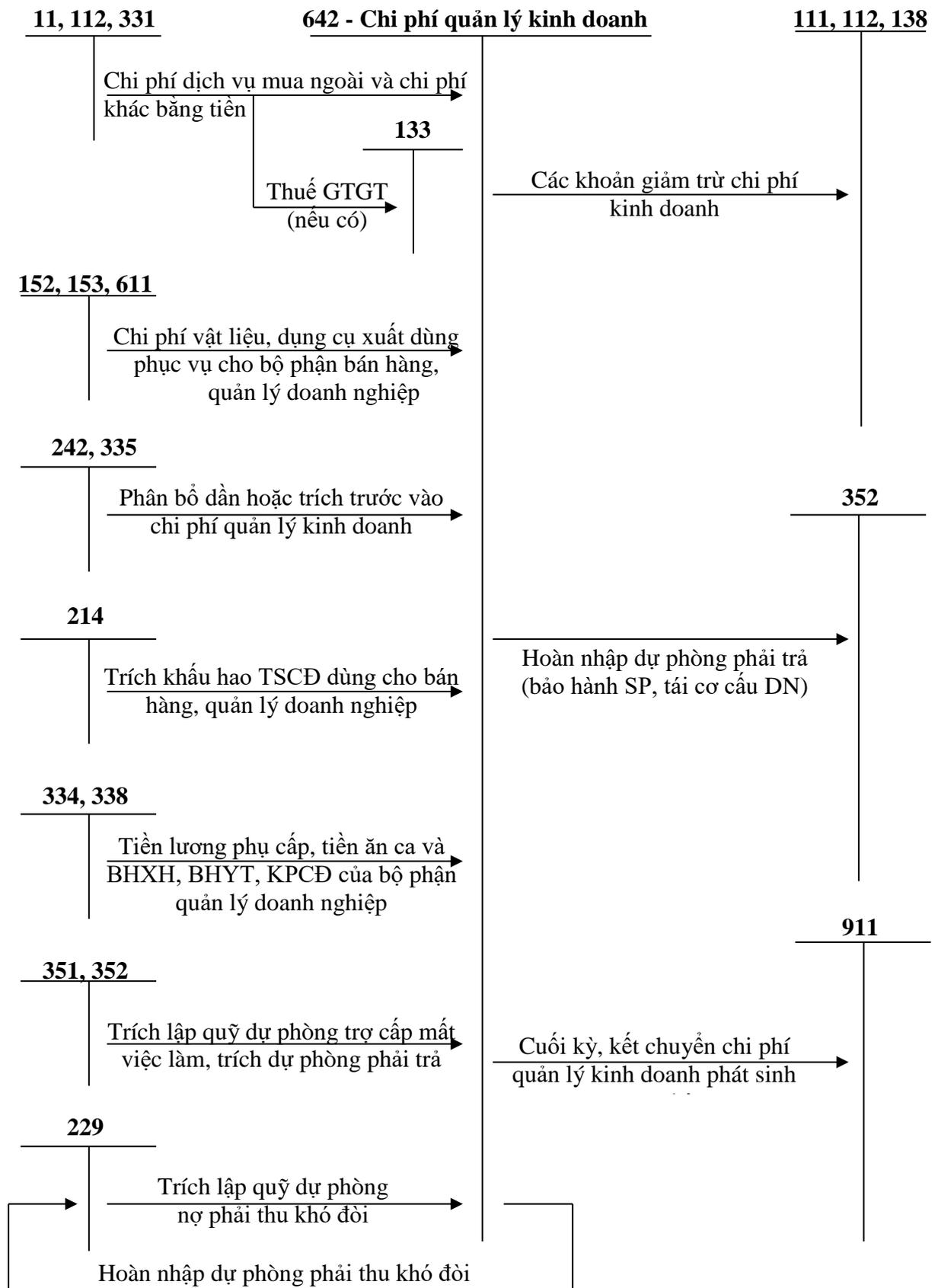
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng:* Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- *Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

❖ Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo lãi, giấy báo Có của Ngân hàng;
- + Bản sao kê của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Bên Nợ:

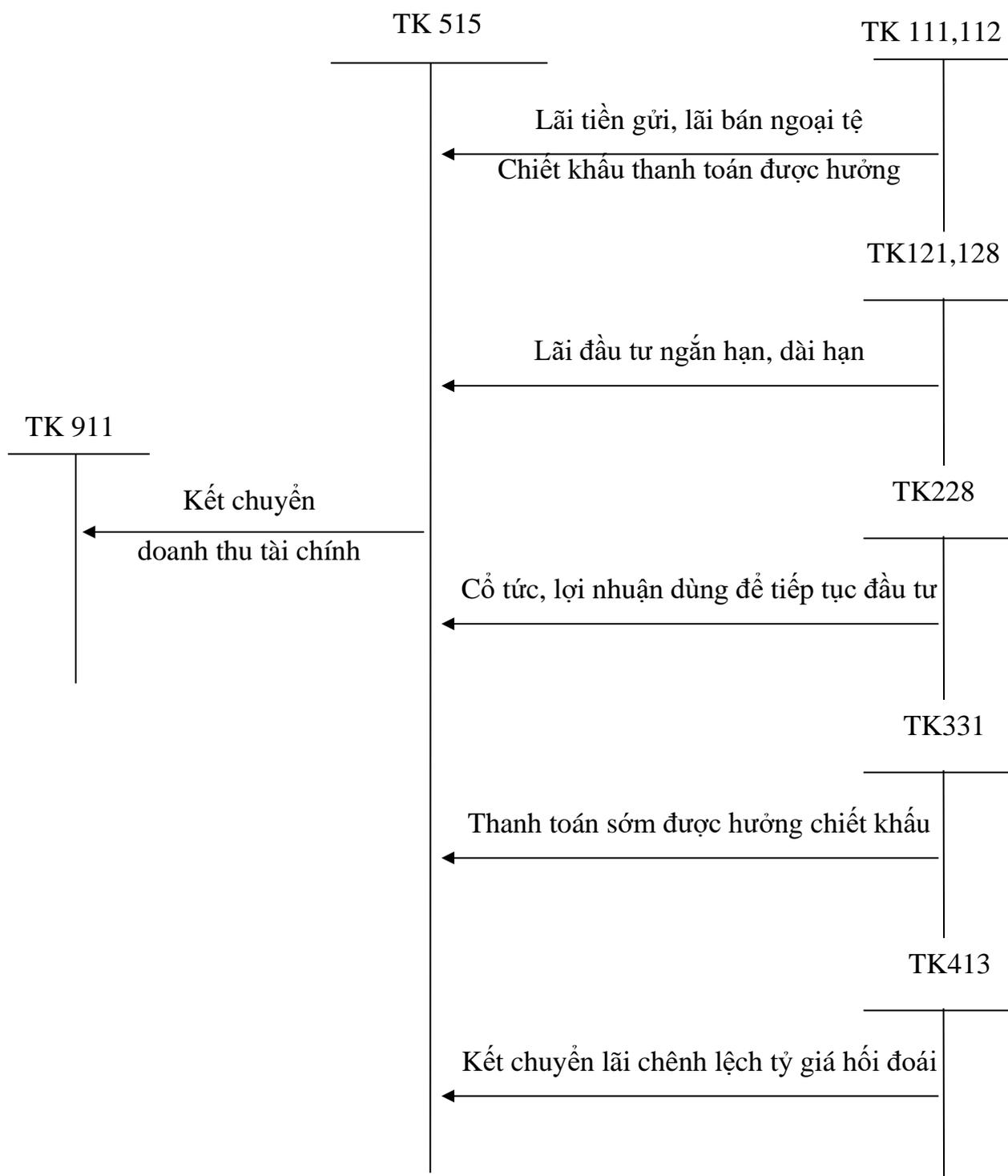
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu kế toán;
- + Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 635 – “Chi phí hoạt động tài chính”

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); Lỗ bán ngoại tệ;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

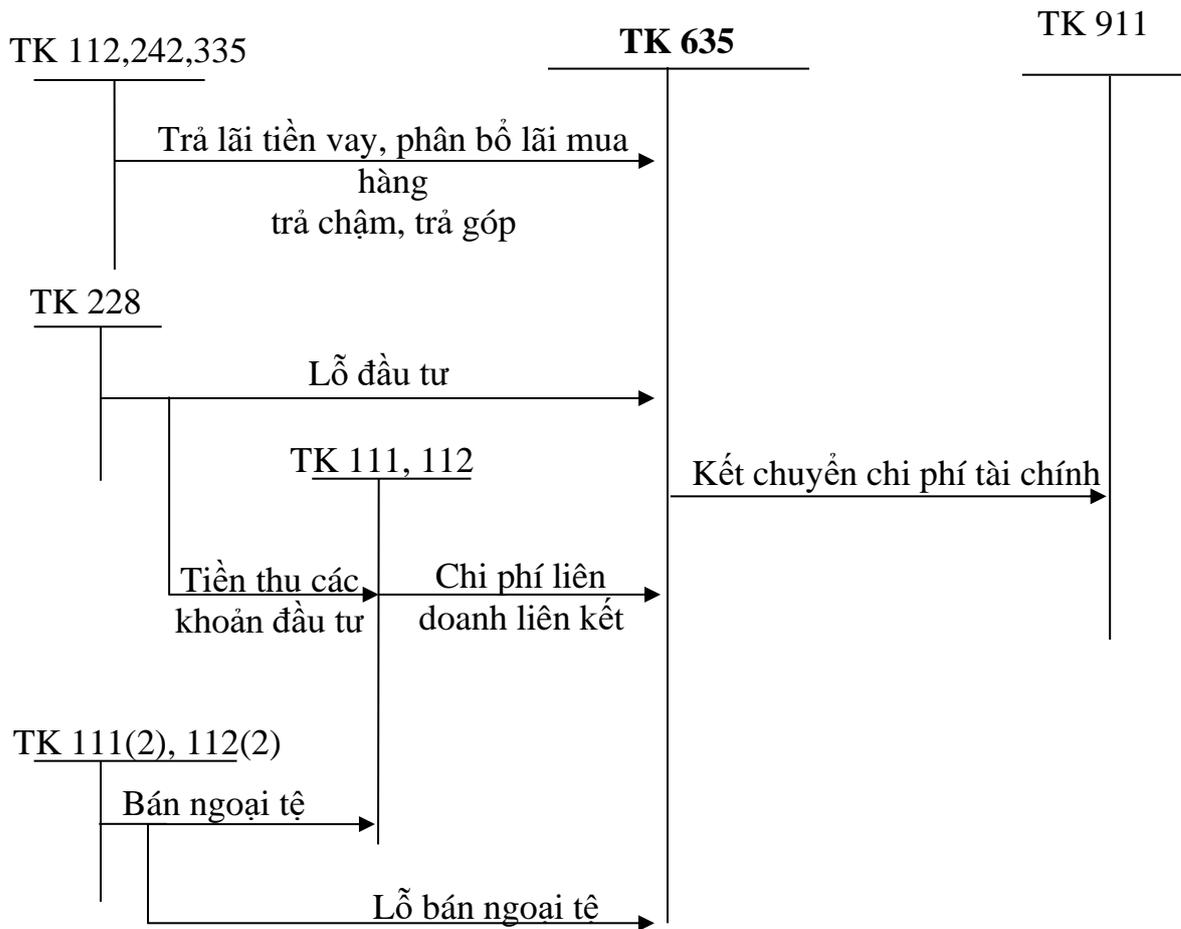
Bên Có:

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.2.5. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Phiếu chi; Giấy báo Có;
- + Các chứng từ liên quan: Biên bản thanh lý tài sản cố định; ...

✓ **Tài khoản sử dụng:** TK 711 – “Thu nhập khác”

Kết cấu của TK 711:

Bên Nợ:

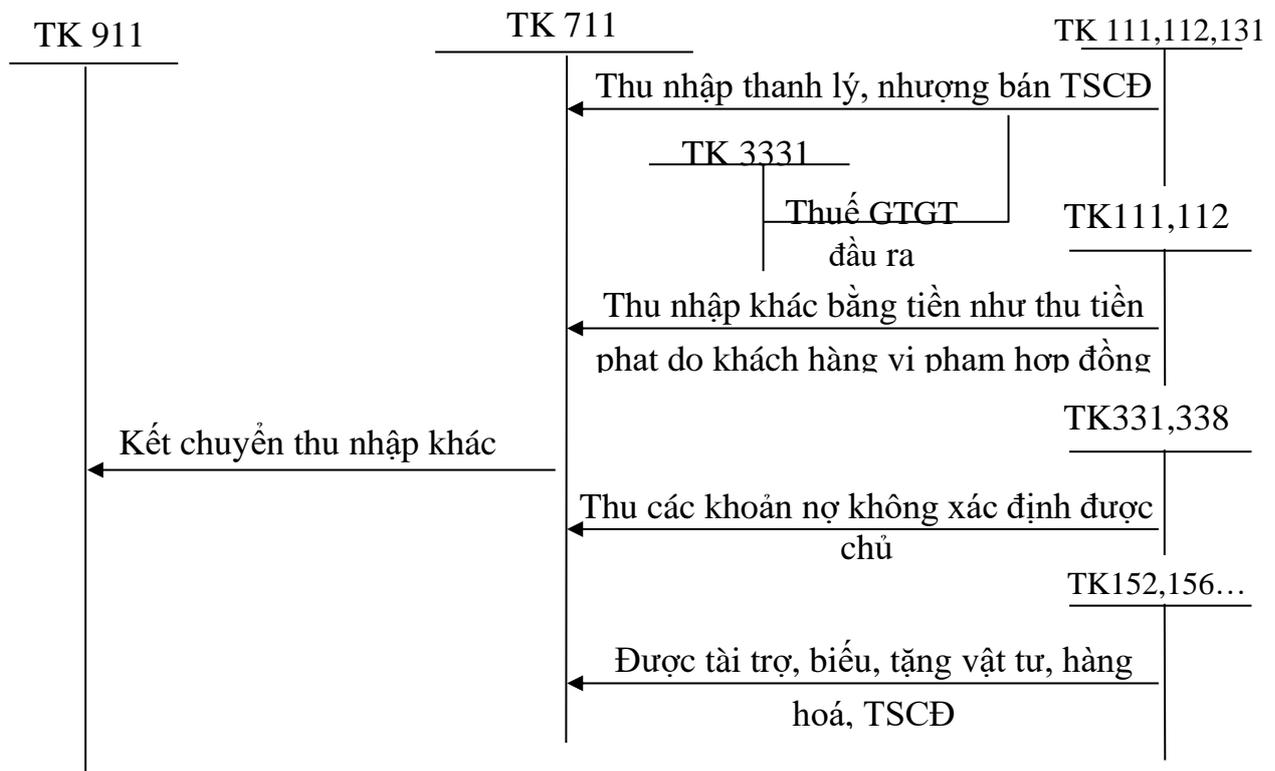
Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp.

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

1.2.5.2 Kế toán chi phí hoạt động khác.

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu chi; Ủy nhiệm chi;
- + Giấy báo Nợ của Ngân hàng;
- + Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ *Kết cấu của TK 811*

Bên Nợ:

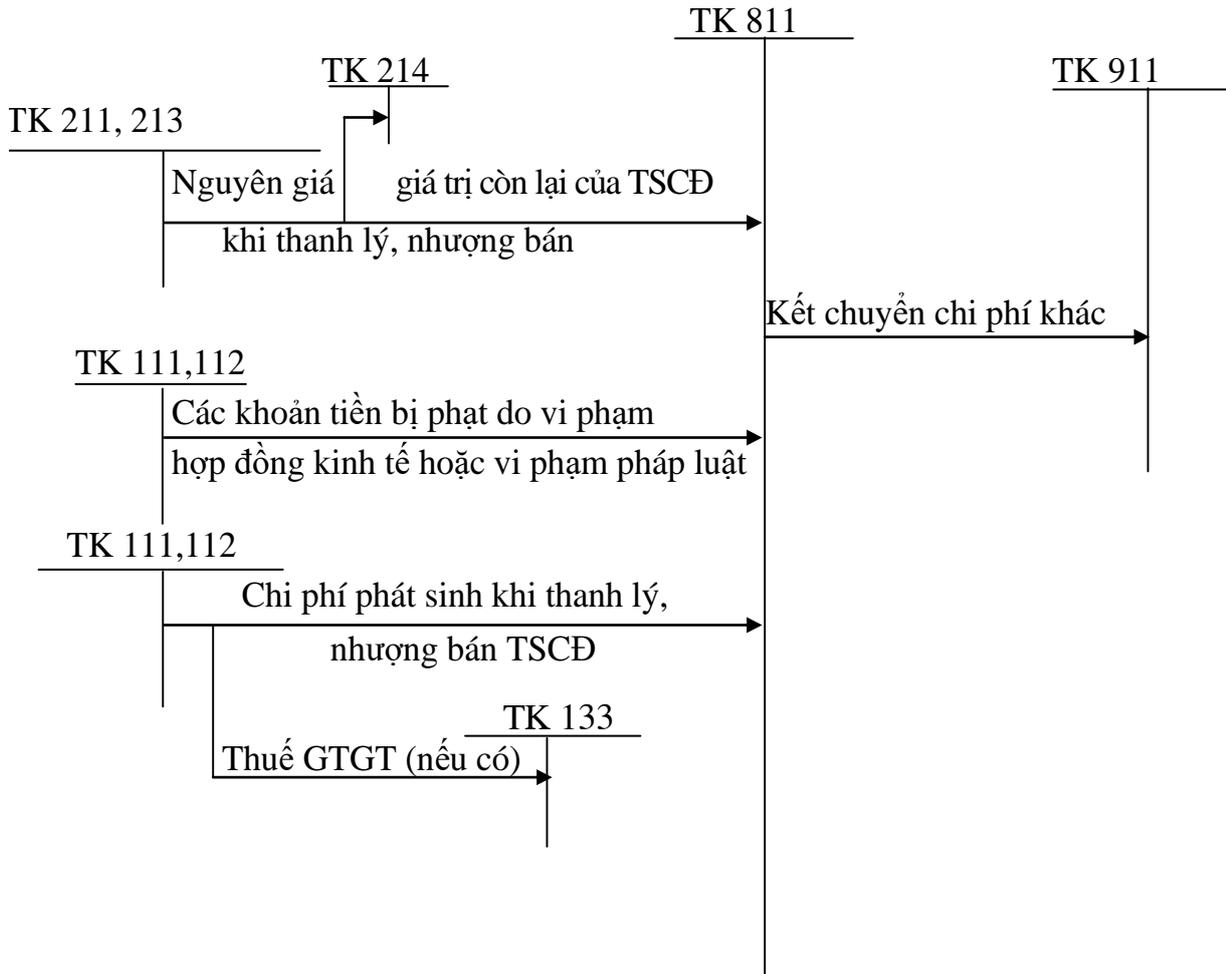
Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.2.6 Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Các chứng từ khác có liên quan

❖ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kế cấu tài khoản 821:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;

Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

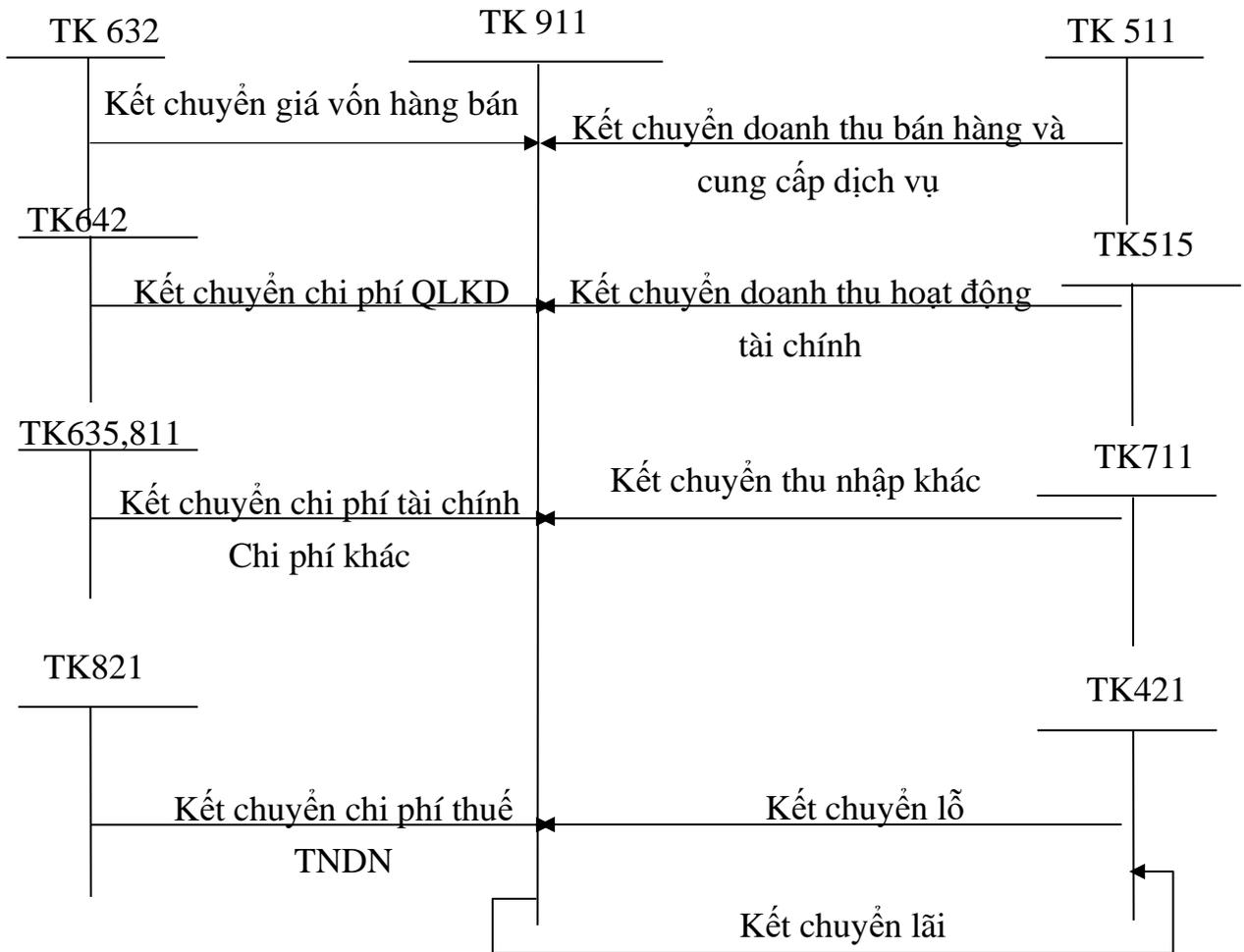
Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Tài khoản 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước*
- *Tài khoản 4212 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/TT-BTC

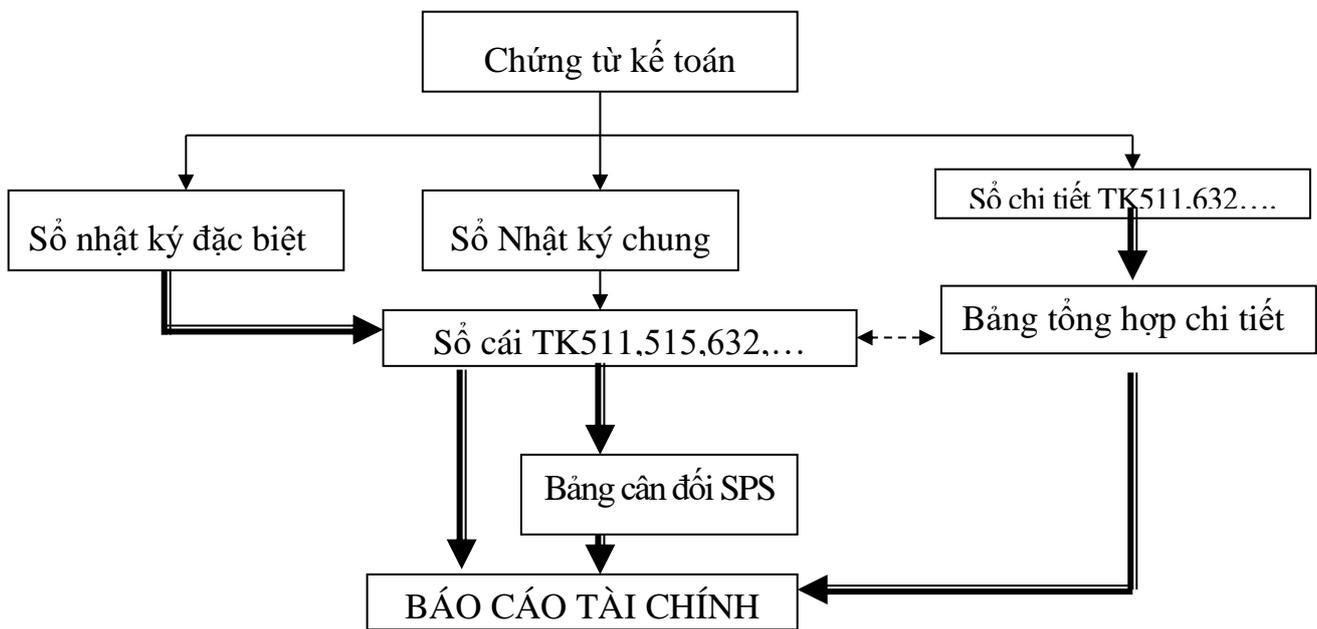
Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 133/2016 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được phép tự xây dựng hệ thống sổ sách kế toán cho riêng mình. Trong trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng được thì có thể áp dụng hệ thống sổ sách theo một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái. Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - <-----> Đối chiếu

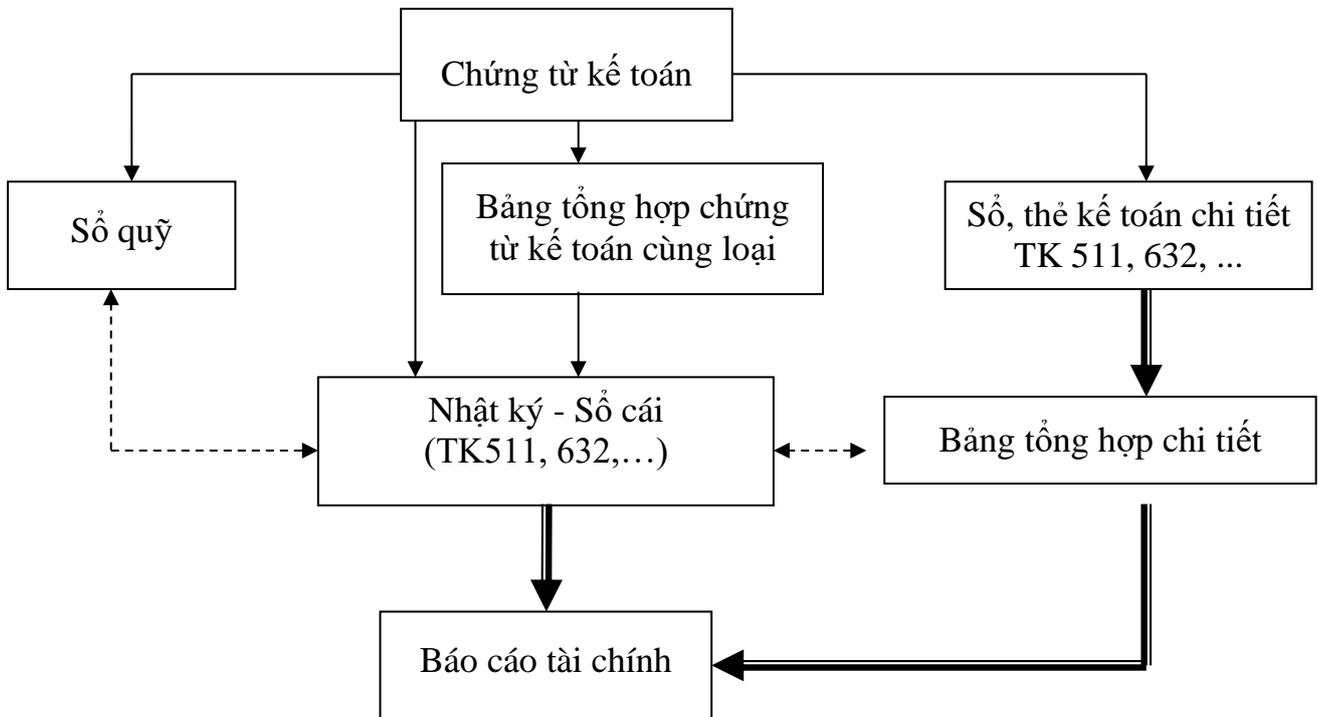
Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên

Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Nhật ký - Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - - - - -> Đối chiếu

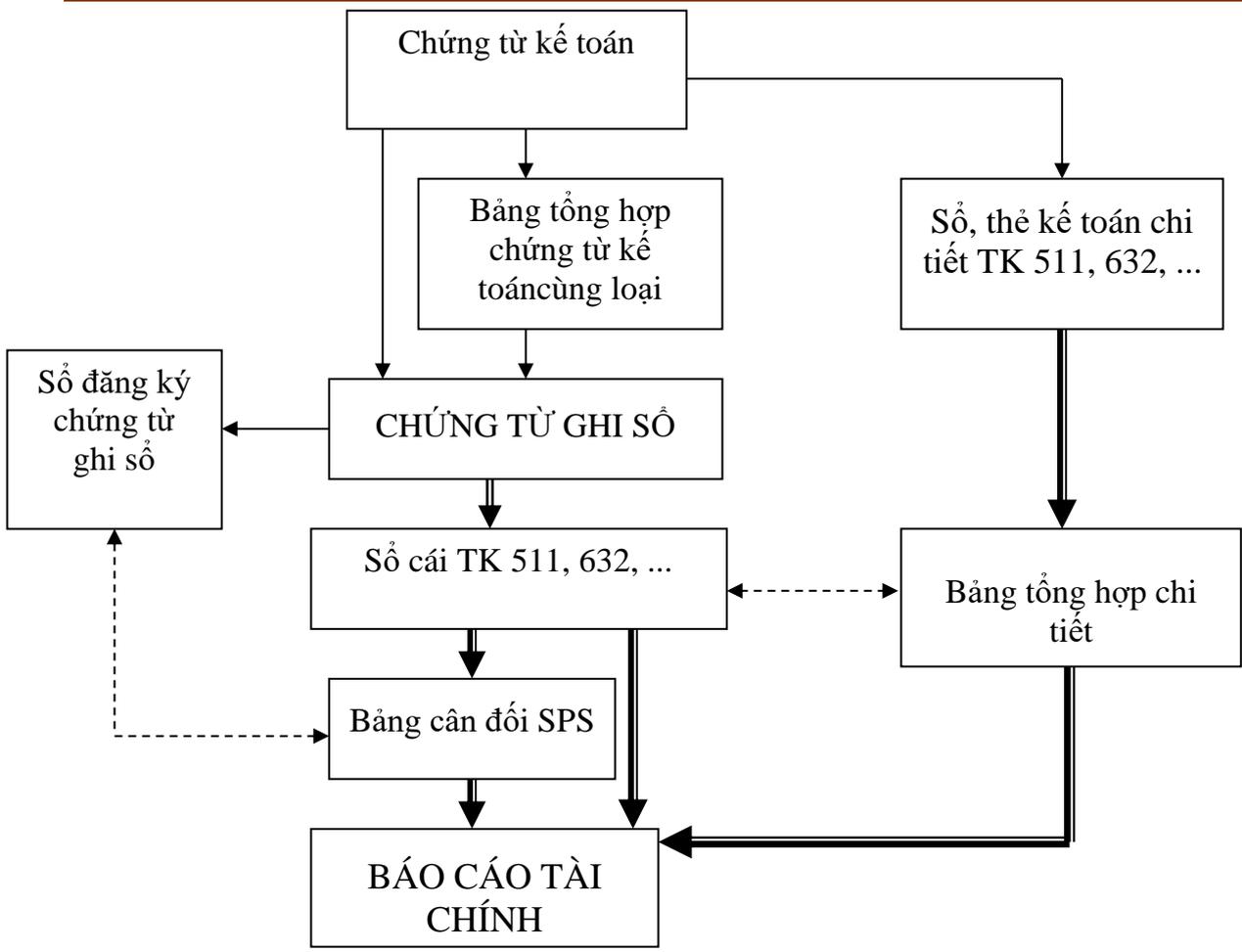
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

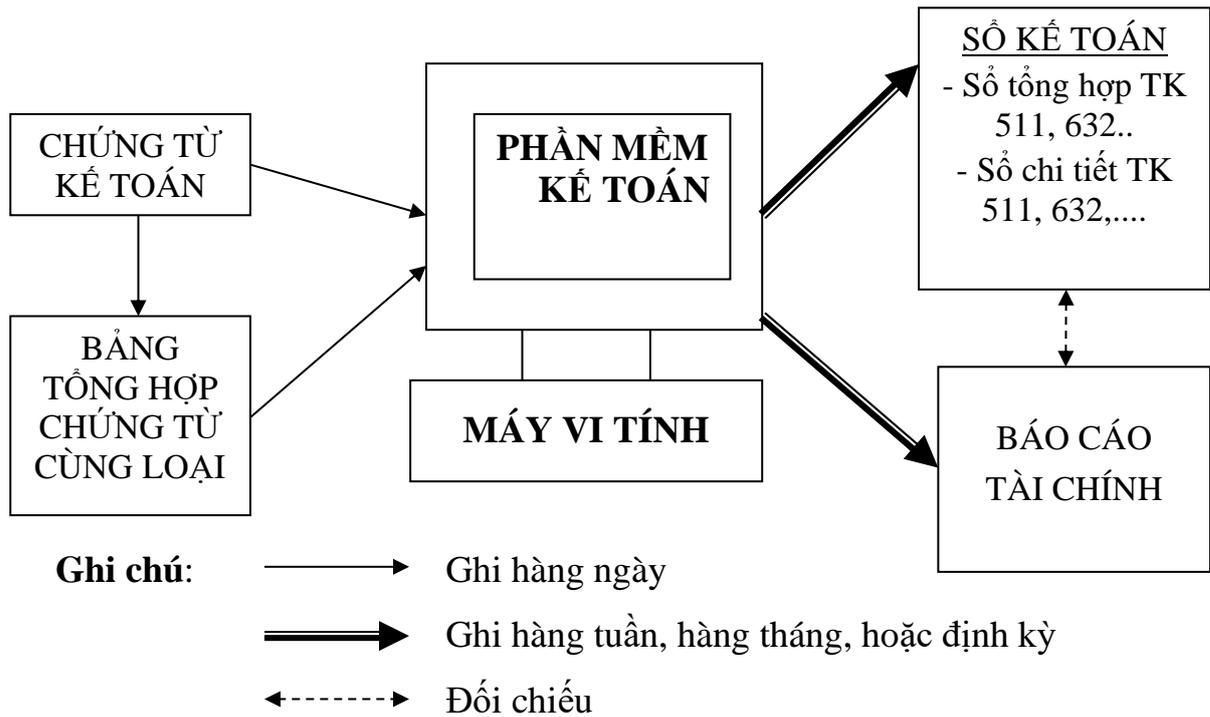


- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỘNG LỰC T.N.T.C

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.
- Tên Công ty viết tắt: T.N.T.C Power.
- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: T.N.T.C Power Joint Stock Company.
- Địa chỉ trụ sở: Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Mã số thuế: 0201200496.
- Người đại diện pháp luật: (Ông) Tô Văn Toàn.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần ngoài Nhà nước.

2.1.1.1. Lịch sử hình thành Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Với sứ mệnh cung cấp cho khách hàng và người tiêu dùng những sản phẩm máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác đáng tin cậy, chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C luôn phấn đấu phát triển không ngừng để trở thành một trong những đơn vị bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác có uy tín của khu vực miền Bắc và của cả nước, có thiết bị hiện đại, môi trường thân thiện, tăng trưởng bền vững và hiệu quả hàng đầu trong ngành máy móc.

Ngày 20 tháng 09 năm 2011, Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C đã đăng ký kinh doanh và được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy phép kinh doanh với mã số của Công ty là 0201200496.

Mục tiêu của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C là luôn nỗ lực hết mình để xây dựng một thương hiệu uy tín, một địa chỉ tin cậy của mọi công trình nhằm mang đến chất lượng tốt nhất cũng như mang hình ảnh tốt cho khách hàng cũng như những nhà cung cấp.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C (TNTC Power) là nhà cung cấp và bảo hành chuyên nghiệp máy tàu thủy, máy phát điện, bơm chất lỏng, van và các thiết bị công nghiệp khác tại Việt Nam

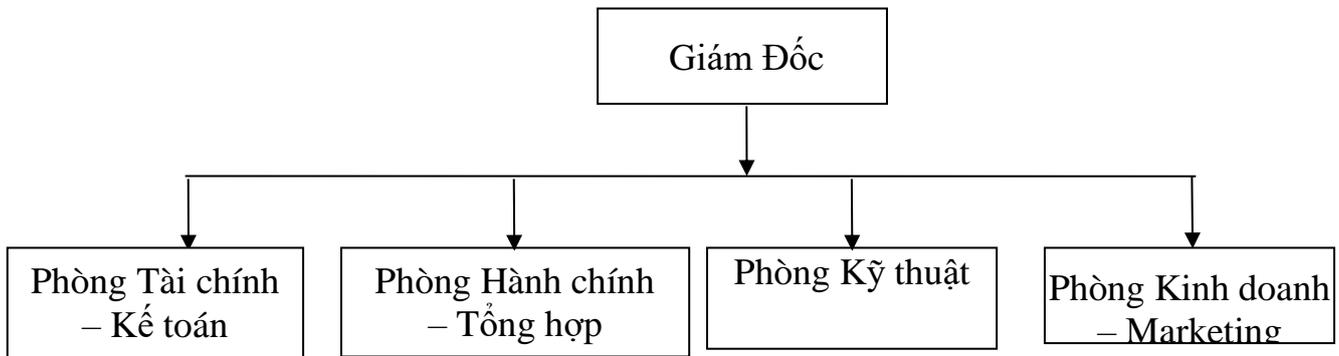
Mã	Ngành
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
3011	Đóng tàu và cấu kiện nổi
3012	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
4512	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4541	Bán mô tô, xe máy
4542	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
4543	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
4633	Bán buôn đồ uống
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác

Mã	Ngành
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

2.1.3.1 Sơ đồ cấu trúc bộ máy

Cơ cấu tổ chức của công ty tương đối đơn giản và cơ học, được bộ phận hóa và chuyên môn hóa theo chức năng nhiệm vụ. Xu hướng trao đổi thông tin theo chiều từ cấp trên xuống cấp dưới và có xu hướng ra quyết định tập trung. Việc thực hiện công việc mang tính thông lệ cao. Môi trường tương đối ổn định. Dưới đây là sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

❖ Giám đốc:

Là người đại diện theo pháp luật của công ty. Giám đốc công ty nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty; Ký kết hợp đồng nhân danh công ty.

❖ **Phòng Hành chính - Tổng hợp:**

Tham mưu, giúp Giám đốc quản lý và tổ chức thực hiện công tác hành chính; tổng hợp kế hoạch cải cách hành chính. Bao gồm các nhiệm vụ:

+ Là đơn vị tham mưu giúp giám đốc chỉ đạo quản lý về tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, tuyển dụng nguồn lực, ban hành các quy chế nội bộ.

+ Giải quyết các chế độ chính sách, quyền lợi của công nhân viên.

❖ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

Tham mưu giúp Giám đốc trong công việc thực hiện chức năng quản lý kế toán tài chính, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh doanh, kiểm soát hoạt động tài chính tại công ty. Quản lý và sử dụng các nguồn vốn đúng mục đích. Bao gồm các nhiệm vụ:

+ Giám sát về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời giúp giám đốc ra quyết định sản xuất kinh doanh.

+ Giám sát việc sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng tài sản của công ty đảm bảo đúng mục đích yêu cầu và có hiệu quả.

+ Mở các loại sổ sách, biểu mẫu kế toán, ghi chép phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập các báo cáo tài chính định kỳ đầy đủ, thực hiện nghiêm chỉnh việc trích nộp ngân sách. Trích và sử dụng đúng các loại quỹ theo quy định hiện hành.

+ Lập các hoá đơn thực hiện thanh toán với các chủ hàng và đơn vị liên quan, trực tiếp quản lý nguồn thu, chi.

+ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh cho Giám đốc Công ty;

❖ **Phòng Kỹ thuật:**

Phụ trách về mặt kỹ thuật, máy móc thiết bị toàn Công ty. Lập kế hoạch đầu tư, mua sắm, duy tu, bảo dưỡng và tổ chức sửa chữa máy móc thiết bị. Xây dựng, ban hành hệ thống định mức kinh kế và theo dõi, thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, ban hành định mức mới.

Tổ chức nghiên cứu, đề xuất các giải pháp kỹ thuật đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty về các giải pháp để thực hiện tốt công tác kế toán trong từng giai đoạn sản xuất kinh doanh, quản lý định mức tiêu hao nguyên vật liệu.

Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, tham mưu trong công tác lựa chọn khách hàng. Xây dựng mục tiêu chiến lược chung trong toàn Công ty.

❖ **Phòng Kinh doanh – Marketing:**

+ Lập kế hoạch maketing hàng năm, xây dựng các chương trình quảng cáo, khuyến mãi. Tiếp nhận đơn đặt hàng và các hợp đồng kinh tế, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của đối tác.

+ Nghiên cứu thị trường, tìm hiểu về đối thủ cạnh tranh, thị hiếu của người tiêu dùng, xu hướng mua hàng. Từ đó đề xuất giải pháp tăng doanh số bán hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng....

+ Thu thập thông tin thị trường để xác định nhu cầu thị trường, thị trường mục tiêu, thị trường mới. Xác định phạm vi thị trường cho những sản phẩm hiện tại và dự báo nhu cầu của sản phẩm hàng hóa mới, hướng tiêu thụ sản phẩm, bán hàng, nghiên cứu xu hướng phát triển của khối lượng và cơ cấu nhu cầu, xác định những đặc thù của các khu vực và các đoạn của thị trường.

+ Xây dựng, thực hiện và giám sát việc triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh cho công ty.

+ Phối hợp với phòng kế toán theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động trong công ty

+ Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc khách hàng

+ Tạo lập và duy trì các mối quan hệ với các đơn vị nhà đầu tư.

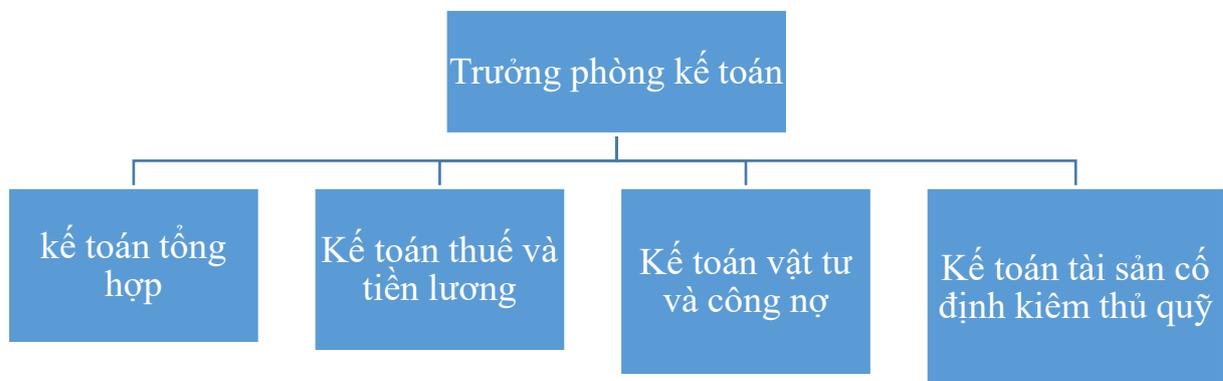
2.1.4. Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của công ty, đồng thời để sử dụng tốt nhất năng lực của đội ngũ kế toán và đảm bảo thông tin nhanh gọn chính xác, theo dõi kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Công ty áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung phù hợp với điều kiện của công ty.

Phòng tài chính – kế toán công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Giám đốc trong lĩnh vực về công tác tài chính - kế toán, quản lý vốn, tài sản; kiểm tra, kiểm soát nội bộ; quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế.

Cơ cấu tổ chức bộ phận kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty

❖ Trưởng phòng kế toán:

Đóng vai trò giám sát tài chính, điều hành mọi công tác kế toán trong doanh nghiệp.

+ Đóng vai trò giám sát tài chính, điều hành mọi công tác kế toán trong doanh nghiệp.

+ Phê duyệt bởi kế toán, thực hiện kiểm tra và tổng hợp các số liệu của kế toán bán hàng.

+ Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế thể hiện các trách nhiệm tài chính của công ty đối với nhà nước và các bên liên quan.

+ Qua các thông tin kế toán phản ánh, kế toán trưởng tiến hành những phân tích tài chính từ đó lập các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn cho công ty.

+ Giải trình số liệu và cung cấp hồ sơ, số liệu cho cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra kiểm tra theo yêu cầu của phụ trách văn phòng Kế toán.

+ Lập báo cáo tài chính năm và các báo cáo giải trình chi tiết

❖ **Kế toán tổng hợp:**

✓ Là người tổng hợp các báo cáo của kế toán viên để báo cáo cho Phó phòng
✓ Lập các chứng từ thu, chi phát sinh hàng ngày theo nghiệp vụ kế toán sau khi các chứng từ được phê duyệt;

✓ Tổng hợp báo cáo quyết toán hàng tháng, hàng kỳ, hàng năm trình lãnh đạo phòng phê duyệt.

✓ Tập hợp và lưu giữ các chứng từ ngân hàng, kho bạc.

✓ Ghi chép phản ánh kịp thời đầy đủ và chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp cả về giá trị và số lượng hàng bán trên từng mặt hàng, từng địa điểm bán hàng, từng phương thức bán hàng.

✓ Tính toán và phản ánh chính xác tổng giá tính toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, thuế giá trị gia tăng đầu ra của từng nhóm hàng, từng hoá đơn khách hàng, từng đơn vị trực thuộc (theo các cửa hàng, quầy hàng...).

✓ Tập hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản chi phí bán hàng, thực tế phát sinh và kết chuyển (hay phân bổ), cho phép bán hàng cho hàng tiêu thụ làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh.

✓ Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng, phục vụ cho việc chỉ đạo và điều hành kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ Tham mưu cho lãnh đạo về các giải pháp để thúc đẩy quá trình bán hàng.

✓ Lập báo cáo bán hàng theo quy định: Báo cáo doanh số bán hàng theo nhân viên, phân tích doanh số theo mặt hàng, chủng loại, địa điểm, bộ phận... Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn bán hàng

❖ **Kế toán vật tư và công nợ:**

✓ Kiểm tra giám sát, nghiệm thu các khoản mua sắm vật tư, tài sản phát sinh trong kỳ.

✓ Theo dõi tình hình nhập xuất tồn hàng hóa

✓ Quyết toán đầu tư XDCB; các khoản sửa chữa lớn.

✓ Theo dõi các hợp đồng kinh tế, các chi phí XD/CB phát sinh trong việc xây dựng, sửa chữa.

✓ Theo dõi và kiểm kê thường xuyên hàng hóa trong kho

✓ Theo dõi tình hình công nợ phải thu, phải trả, sau đó đến cuối tháng làm báo cáo, hàng ngày.

❖ **Kế toán thuế và tiền lương:**

✓ Kế khai và lập quyết toán thuế GTGT hàng quý, năm.

✓ Quyết toán thuế thu nhập cá nhân của toàn công ty.

✓ Lập và đối chiếu chứng từ thu chi phát sinh hàng ngày

✓ Tổ chức hạch toán đúng thời gian, số lượng, chất lượng và kết quả lao động; tính đúng, tính đủ và thanh toán kịp thời tiền lương và các khoản liên quan cho người lao động.

✓ Tính toán, phân bổ chính xác chi phí tiền lương, tiền công và các khoản trích như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho các đối tượng sử dụng có liên quan.

✓ Định kỳ tiến hành phân tích tình hình sử dụng lao động, tình hình quản lý và chi tiêu quỹ lương; cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết khác cho các bên có liên quan.

❖ **Kế toán tài sản cố định kiêm thủ quỹ.**

✓ Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số hiện có và hình hình tăng, giảm TSCĐ cũng như của từng bộ phận trên các mặt số lượng, cơ cấu, giá trị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ.

✓ Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng đắn chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng TSCĐ.

✓ Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đơn đốc đưa TSCĐ được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.

✓ Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

✓ Lập các báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng,

bảo quản các TSCĐ.

- ✓ Quản lý trực tiếp dòng tiền của công ty
- ✓ Đối chiếu với kế toán tổng hợp về các khoản thu chi trong công ty
- ✓ Chịu trách nhiệm các hoạt động thu, chi.
- ✓ Báo cáo tồn quỹ hàng ngày.
- ✓ Giao dịch với các ngân hàng khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- ✓ Sắp xếp, lưu giữ và bảo quản các chứng từ, sổ sách kế toán.

2.1.4.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Cũng như các doanh nghiệp khác, Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C thực hiện hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp dựa theo những quy định hướng dẫn của Chuẩn mực và Chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành.

Chế độ kế toán công ty áp dụng được ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể chính sách kế toán được áp dụng tại công ty như sau:

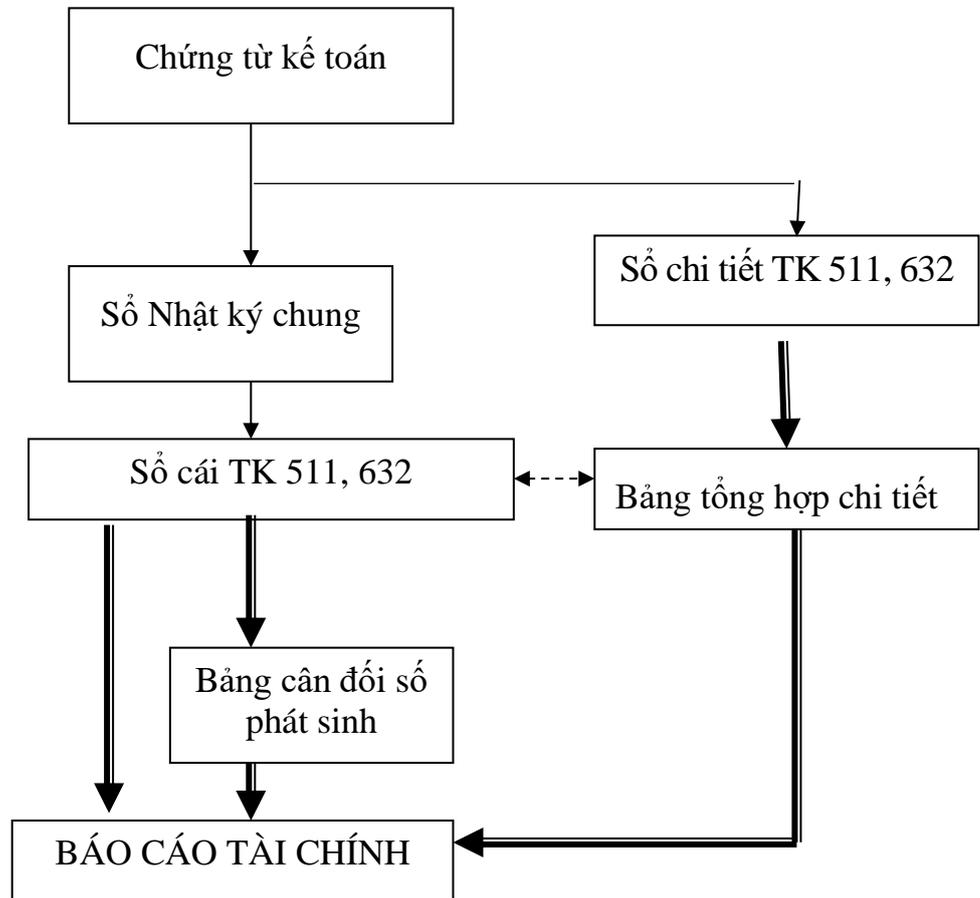
- Niên độ kế toán: bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Kì kế toán: năm
- Chuẩn mực kế toán: Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Việt Nam đồng, đơn vị tính: đồng
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất trong kì: phương pháp Bình quân liên hoàn.
- Phương pháp tính giá trị hao mòn tài sản cố định: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Hình thức sổ sử dụng: Nhật ký chung.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hình thức kế toán và hệ thống sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều

phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:
→ Ghi hàng ngày
⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
⇌ Đối chiếu

Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu của sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...

❖ Tài khoản sử dụng:

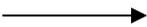
- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dvụ, TK 511 được mở chi tiết:
 - TK5112 – Doanh thu bán hàng hóa. Trong đó chi tiết:
 - + TK 51121 - doanh thu bán tổ máy thủy Yuchai 650L.
 - + TK 51122 - doanh thu bán tổ máy thủy Yuchai 760L.
 -
 - TK 5113: Doanh thu từ cung cấp dịch vụ:
 - + TK51131: Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sửa chữa
 - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112, ...

❖ Sổ sách sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái TK 511
- + Sổ chi tiết bán hàng
- + Bảng tổng hợp doanh thu
- + ...

❖ Phương pháp hạch toán:



Ghi chú:  Ghi hàng ngày
  Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
  Đối chiếu

*Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty cổ phần Động
Lực T.N.T.C*

Ví dụ 1: Ngày 03/03/2023, theo hóa đơn GTGT số 69 (biểu số 2.1) bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long, tổng giá thanh toán có cả VAT 10% là: 19.316.000đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Ví dụ 2: Ngày 06/03/2023, theo hóa đơn GTGT số 74 (biểu số 2.3) bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền, tổng giá thanh toán có cả VAT 10% là: 902.900.000 đồng, chưa thu được tiền.

Căn cứ vào hóa đơn số 69, 74 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.4). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.5) và các sổ cái TK 333, 131...

Đồng thời căn cứ vào hoá đơn GTGT số 69, 74; kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng theo dõi cho doanh thu từng loại hàng hoá như (biểu số 2.6). Cuối năm, căn cứ vào Sổ chi tiết bán hàng theo dõi cho từng loại hàng hoá (biểu số 2.6), kế toán lập Bảng tổng hợp doanh thu (biểu số 2.7).

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: 1C23TTC Số: 69		
	Bản thể hiện của hóa đơn điện tử Ngày 03 tháng 03 năm 2023 Mã của cơ quan thuế: 00268E11579845646C788BA18206495F20				
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C Mã số thuế: 020120496 Địa chỉ: Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng Số TK: 10925210268016-Techcombank- Chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Hậu Tên đơn vị: Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long Mã số thuế: 0106669217 Địa chỉ: 203 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Hà Nội Số TK: 10925210212260, Tại ngân hàng: Techcombank- Chi nhánh Hà Nội Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Van công 10KDN250	Cái	1	15.000.000	15.000.000
2	Lọc dầu nhớt	Cái	8	320.000	2.560.000
Cộng tiền hàng					17.560.000
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			1.756.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.316.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu, ba trăm mười sáu nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)		
Ký bởi: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C Ký ngày: 03/03/2023					
Tra cứu hóa đơn điện tử tại website: https://hoadondientu.vacom.vn/tracuu.html (Khởi tạo hóa đơn phần mềm M-INVOICE-Công ty TNHH hóa đơn điện tử M - Invoice 010626495-NPP- Công ty cổ phần Vacom)					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.2: Giấy báo có

 TECHCOMBANK Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN Chi nhánh Hải Phòng		GIẤY BÁO CÓ (Không phải hóa đơn GTGT) Ngày: 03/03/2023 Số chứng từ: 72	
Người ra lệnh:		Người hưởng:	
Họ và tên: Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long Số TK: 10925210212260 Địa chỉ: 203 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Hà Nội MST: 010669217 Tại ngân hàng: Techcombank- Chi nhánh Hà Nội Số tiền: 19.316.000,00 Loại tiền: VND (Bằng chữ): Mười chín triệu, ba trăm mười sáu nghìn đồng chẵn Số tiền phí: 0,00 Số tiền thuế: 0,00		Họ và tên: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C Số TK: 10925210268016 Địa chỉ: Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng MST: 020120496 Tại ngân hàng: Techcombank- Chi nhánh Hải Phòng Số tiền: 19.316.000,00 Loại tiền: VND (Bằng chữ): Mười chín triệu, ba trăm mười sáu nghìn đồng chẵn	
Tỷ giá			
Nội dung: Thu tiền mua van công, lọc dầu nhớt			
Người in		Người duyệt in	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: 1C23TTC Số: 74	
		Bản thể hiện của hóa đơn điện tử Ngày 06 tháng 03 năm 2023 Mã của cơ quan thuế: 00268EI1579845646C788BA18206499F47			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C Mã số thuế: 020120496 Địa chỉ: Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng Số TK: 10925210268016-Techcombank- Chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Trần Văn Tuyền Tên đơn vị: Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền Mã số thuế: 2700635897 Địa chỉ: Thôn Kênh Gà – Xã Gia Thịnh – Huyện Gia Viễn – Tỉnh Ninh Bình Số TK: Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Tổ máy thủy Yuchai 760L gồm: Động cơ, hộp số và phụ tùng kèm theo	Tổ	1	820.818.182	820.818.182
Cộng tiền hàng					820.818.182
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			82.081.818
Tổng cộng tiền thanh toán					902.900.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín trăm linh hai triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, chữ ký số)		
Ký bởi: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C Ký ngày: 06/03/2023					
Tra cứu hóa đơn điện tử tại website: https://hoadondientu.vacom.vn/tracuu.html (Khởi tạo hóa đơn phần mềm M-INVOICE-Công ty TNHH hóa đơn điện tử M – Invoice 010626495-NPP- Công ty cổ phần Vacom)					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung



Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
03/03	HD69 GBC72	03/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long thu bằng TGNH	112 511 333	19.316.000	17.560.000 1.756.000
			...			
06/03	HD74	06/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền chưa thu tiền	131 511 333	902.900.000	820.818.182 82.081.818
			...			
08/03	HD8 PC114	08/03	Thay bộ lõi lọc RO	642 133 111	500.000 50.000	550.000
			...			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	150.928.320.924 207.321.719 130.156.120	151.265.798.763
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - Chi phí khác	911 632 642 635 811	150.759.540.002	132.126.478.730 15.047.395.639 3.569.776.129 15.889.504
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 333	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	405.007.009	405.007.009
			Cộng		1.633.078.311.138	1.633.078.311.138

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Biểu số 2.5 : Trích sổ cái tài khoản 511

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vinh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
				
03/03	HD69 GBC72	03/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long thu bằng TGNH	112		17.560.000
...		
06/03	HD74	06/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền chưa thu tiền	331		820.818.182
...		
03/10	HD573	03/10	Bán hàng hàng cho Công ty TNHH Anh Vũ	131		65.450.000
...		
15/10	HD611 PT441	15/10	Bán hàng hàng cho Công ty Cổ phần Đại Tây Dương	111		12.200.000
15/10	HD612	15/10	Bán hàng cho Công ty Anh Vũ	131		91.560.500
...		
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu 2023	911	150.928.320.924	
			Cộng phát sinh năm		150.928.320.924	150.928.320.924
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Số hiệu tài khoản: 51122, Tên sản phẩm: Tổ máy thủy Yuchai760L

Năm 2023

Ngày Ghi sổ	Ngày tháng	Số hiệu	Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
							Nợ	Có		
			...							
06/03	06/03	HD74	Tổ máy thủy Yuchai 760L gồm: Động cơ, hộp số và phụ tùng kèm theo	131	1	820.818.182		820.818.182		
			...							
			Cộng số phát sinh				10.564.260.325	10.564.260.325		

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Bảng tổng hợp doanh thu

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	SH TK	Số phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
I	Hoạt động KD hàng hóa	5112	144.476.082.474	144.476.082.474	
1	Tổ máy thủy Yuchai 650L	51121	11.267.884.460	11.267.884.460	
2	Tổ máy thủy Yuchai 760L	51122	10.564.260.325	10.564.260.325	
	...				
II	Hoạt động sửa chữa	5113	6.452.238450	6.452.238450	
	Hoạt động sửa chữa	51131	6.452.238450	6.452.238450	
	Cộng		150.928.320.924	150.928.320.924	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

2.2.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

+ Giá vốn hàng bán của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Đơn giá và trị giá hàng hoá xuất kho tại Công ty được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn. Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập hàng hoá kế toán tính đơn giá bình quân. Sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng hàng hoá xuất kho để tính trị giá hàng hoá xuất kho.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế từng loại hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ví dụ 1: Ngày 03/03/2023, theo hóa đơn GTGT số 69 (biểu số 2.1) bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long, tổng giá thanh toán có cả VAT 10% là: 19.316.000đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Trị giá Van công 10KDN250 được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau:

- + Mặt hàng này không có tồn đầu kỳ
- + Ngày 01/12 nhập kho 3 cái, đơn giá 14.700.000 đồng/cái, thành tiền: 44.100.000 đồng.
- + Ngày 03/12, xuất kho 1 cái bán cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long

$$\text{Đơn giá xuất kho} = 44.100.000 / 3 = 14.700.000 \text{ đồng/cái}$$

Trị giá hàng hoá này xuất kho được tính bằng:

$$= 1 \times 14.700.000 = 14.700.000 \text{ đồng}$$

Trị giá Lợi nhuận được xác định tương tự

+ Để hạch toán giá vốn hàng bán sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

+ TK 632: Giá vốn hàng bán, TK 632 được mở chi tiết:

- TK6322 – Giá vốn bán hàng hóa. Trong đó chi tiết:

+ TK 63221 - Giá vốn bán tổ máy thủy Yuchai 650L.

+ TK 63222 - Giá vốn bán tổ máy thủy Yuchai 750L.

...

- TK 6323: - Giá vốn hoạt động sửa chữa:

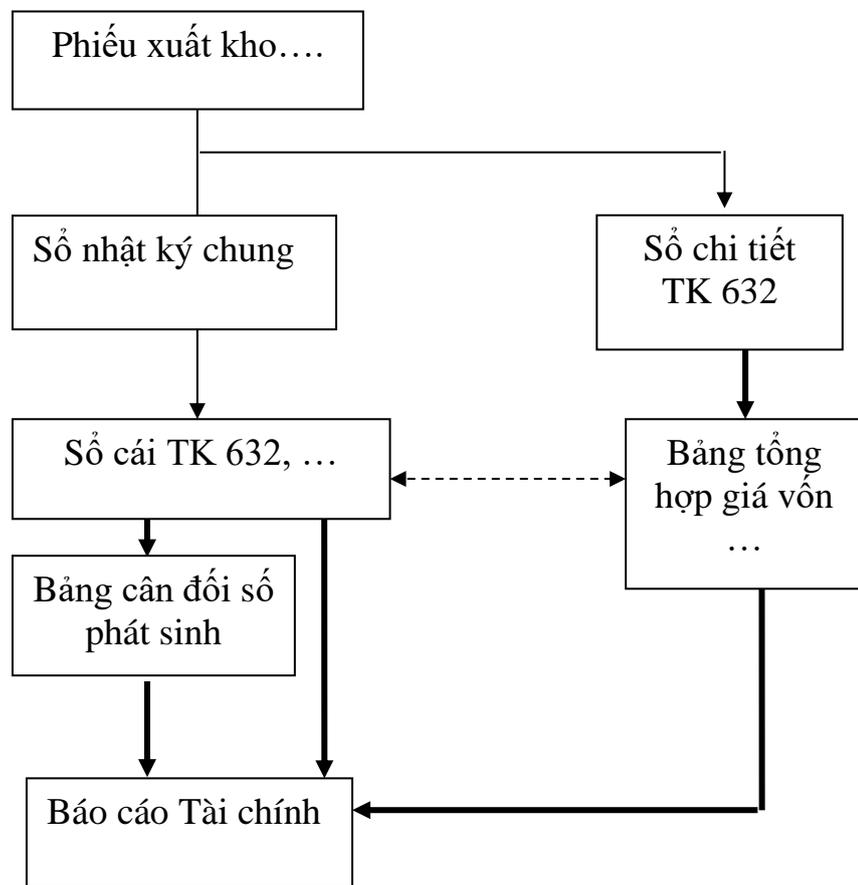
+ TK63231: Giá vốn từ hoạt động sửa chữa

- Và các tài khoản có liên quan khác

❖ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan

❖ **Sổ sách liên quan:** Sổ cái TK 632, TK156... và các sổ chi tiết

❖ **Quy trình hạch toán**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán giá vốn tại Công ty

Ví dụ 1: Ngày 03/03/2023, theo hóa đơn GTGT số 69 (biểu số 2.1) bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long, tổng giá thanh toán có cả VAT 10% là: 19.316.000đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 88 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.10). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.11) và các sổ cái TK 156

Đồng thời căn cứ vào Phiếu xuất kho số 88; kế toán ghi vào Sổ chi tiết giá vốn theo dõi giá vốn hàng hoá xuất kho. Cuối năm, căn cứ vào Sổ chi tiết giá vốn theo dõi giá vốn hàng hoá xuất kho, kế toán lập Bảng tổng hợp giá vốn (biểu số 2.13).

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm -
Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

SỐ: 88

Nợ: 632 17.060.000
Có: 156 17.060.000

Họ tên người nhận hàng: Ông Đỗ Văn Hộ - Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long

Địa chỉ: 203 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long

Xuất tại kho: Công ty

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn Giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Van cổng 10KDN250	VC10KD	Cái	1	1	14.700.000	14.700.000
2	Lọc dầu nhớt	LDN	Cái	8	8	295.000	2.360.000
	Cộng tiền hàng						17.060.000

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Mười bảy triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng.
- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Ngày 03 tháng 03 năm 2023

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
--	--	--------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Ví dụ 2: Ngày 06/03/2023, theo hóa đơn GTGT số 74 (biểu số 2.3) bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền, tổng giá thanh toán có cả VAT 10% là: 902.900.000 đồng, chưa thu được tiền.

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 94 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.10). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.11) và các sổ cái TK 156

Đồng thời căn cứ vào Phiếu xuất kho số 94; kế toán ghi vào Sổ chi tiết giá vốn theo dõi giá vốn hàng hoá xuất kho (biểu số 2.12). Cuối năm, căn cứ vào Sổ chi tiết giá vốn theo dõi giá vốn hàng hoá xuất kho (biểu số 2.12), kế toán lập Bảng tổng hợp giá vốn (biểu số 2.13).

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm -
Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

Số: 94

Nợ: 632 768.636.364
Có: 156 768.636.364

Họ tên người nhận hàng: Ông Trần Văn Tuyền - Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền

Địa chỉ: Thôn Kênh Gà – Xã Gia Thịnh – Huyện Gia Viễn – Tỉnh Ninh Bình

Lý do xuất: Xuất bán Tủ máy thủy Yuchai 760L gồm: Động cơ, hộp số và phụ tùng kèm theo cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tủ máy thủy Yuchai 760L gồm: Động cơ, hộp số và phụ tùng kèm theo	Yu760L	Tủ	1	1	768.636.364	768.636.364
Cộng tiền hàng							768.636.364

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** Bảy trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng.
- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	--------------------------

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung



Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vinh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
03/03	HD69 GBC72	03/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh thu bằng TGNH	112 511 333	19.316.000	17.560.000 1.756.000
03/03	PX88	03/03	GV hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh thu bằng TGNH	632 156	17.060.000	17.060.000
			...			
06/03	HD74	06/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền chưa thu tiền	131 511 333	902.900.000	820.818.182 82.081.818
06/03	PX94	06/03	GV hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền chưa thu tiền	632 156	768.636.364	768.636.364
			...			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	150.928.320.924 207.321.719 130.156.120	151.265.798.763
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - Chi phí khác	911 632 642 635 811	150.759.540.002	132.126.478.730 15.047.395.639 3.569.776.129 15.889.504
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	405.007.009	405.007.009
			Cộng		1.633.078.311.138	1.633.078.311.138

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632



Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vinh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
03/03	PX88	03/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh Thăng Long	156	17.060.000	
			...			
06/03	PX94	06/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền	156	768.636.364	
			...			
04/10	PX955	04/10	Xuất kho hàng hóa đem bán	156	155.451.250	
04/10	PX956	04/10	Xuất kho hàng hóa đem bán	156	234.260.454	
05/10	PX957	05/10	Xuất kho hàng hóa đem bán	156	112.658.210	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn xác định kết quả KD năm 2023	911		132.126.478.730
			Cộng phát sinh		132.126.478.730	132.126.478.730
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Số hiệu tài khoản 63222 - Tên sản phẩm: Tổ máy thủy Yuchai760L

Năm 2023

Ngày Ghi sổ	Ngày tháng	Số hiệu	Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn			
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			...					
06/03	06/03	PX94	Tổ máy thủy Yuchai 760L gồm: Động cơ, hộp số và phụ tùng kèm theo	156	1	768.636.364	768.636.364	
			...					
			Cộng số phát sinh				9.248.221.332	9.248.221.332

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp giá vốn

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	SH TK	Số phát sinh trong kỳ		Ghi chú
			Nợ	Có	
I	Hoạt động KD hàng hóa	6322	126.478.025.603	126.478.025.603	
1	Tổ máy thủy Yuchai 650L	63221	9.864.191.739	9.864.191.739	
2	Tổ máy thủy Yuchai 760L	63222	9.248.221.332	9.248.221.332	
	...				
II	Hoạt động sửa chữa	6323	5.648.453.127	5.648.453.127	
	Hoạt động sửa chữa	63231	5.648.453.127	5.648.453.127	
	Cộng		132.126.478.730	132.126.478.730	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

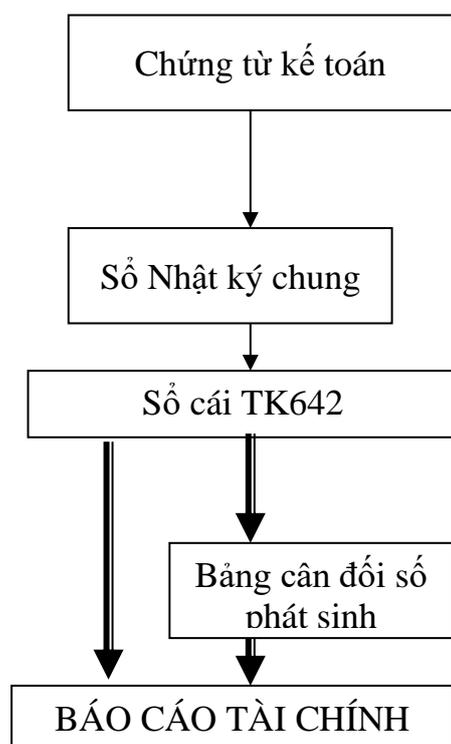
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
 - + Bảng thanh toán lương
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK642
- ❖ Phương pháp hạch toán:



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí QLKD tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Tín

Ví dụ: Ngày 08 tháng 03 công ty thanh toán tiền thay bộ lõi lọc nước RO, tổng số tiền là 550.000 đồng bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT (biểu số 2.14), Phiếu chi (biểu số 2.15), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.16). Từ Nhật ký chung (biểu số 2.20), kế toán ghi vào sổ cái TK 111, TK133 và sổ cái TK 642 (biểu số 2.17)

Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử			Ký hiệu: 1C23TTP		
Ngày 08 tháng 03 năm 2023			Số: 8		
Mã của cơ quan thuế: 00F2A844BE593E47C808C1EC888108F82					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH sản xuất và xuất nhập khẩu Tiến Phát					
Mã số thuế: 0200655758					
Địa chỉ: Số 113 Nguyễn Đức Cảnh – Phường Cát Dài – Quận Lê Chân - Hải Phòng					
Số TK: 23727259 – Tại: Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C					
Mã số thuế: 0201200496					
Địa chỉ: Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng					
Số TK: 10925210268016-Techcombank- Chi nhánh Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK/TM					
T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Bộ lõi lọc RO	Bộ	2	250.000	500.000
Cộng tiền hàng					500.000
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			50.000
Tổng cộng tiền thanh toán					550.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm trăm, năm mươi nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>			Người bán hàng <i>(Chữ ký điện tử, chữ ký số)</i>		
<p>Ký bởi: Công ty TNHH sản xuất và xuất nhập khẩu Tiến Phát</p> <p>Ký ngày: 08/03/2023</p>					
<p><small>Tra cứu hóa đơn điện tử tại website: https://hoadondientu.vacom.vn/tracuu.html</small></p> <p><small>(Khởi tạo hóa đơn phần mềm M-INVOICE-Công ty TNHH hóa đơn điện tử M – Invoice 010626495-NPP- Công ty cổ phần Vacom)</small></p>					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.15: Phiếu chi



Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số 02 – TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 03 năm 2023

Số: **114**

Nợ TK 642: 500.000

Nợ TK 133: 50.000

Có TK 111: 550.000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Hải Hà.....

Địa chỉ:..... Phòng Tài chính - Kế Toán.....

Lý do chi:.....Thanh toán tiền thay lỗi lọc
nước.....

Số tiền :..... 550.000.....(Viết bằng chữ): Năm trăm, năm mươi ngàn
đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT 8.....

Ngày 08 tháng 03 năm 2023.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Năm trăm, năm mươi ngàn đồng chẵn./
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)
+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)



Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03a- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
08/03	HĐ8 PC114	08/03	Thay bộ lõi lọc RO	642 133 111	500.000 50.000	550.000
			...			
25/03	BC112	25/03	Lãi tiền gửi nhập gốc	112 515	215.623	215.623
			...			
28/03	BN132	28/03	Thanh toán lãi vay cho ngân hàng	635 112	45.263.350	45.263.350
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	150.928.320.924 207.321.719 130.156.120	151.265.798.763
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - Chi phí khác	911 632 642 635 811	150.759.540.002	132.126.478.730 15.047.395.639 3.569.776.129 15.889.504
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	405.007.009	405.007.009
			Cộng		1.633.078.311.138	1.633.078.311.138

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)



Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK642
 Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
 Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
 Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03b- DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
 ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...
08/03	HD8 PC114	08/03	Thay bộ lõi lọc RO	111	500.000	
...
25/12	PC741 HD1121	25/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	2.150.000	
			..			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý KD 2023	911		15.047.395.639
			Cộng số phát sinh		15.047.395.639	15.047.395.639
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

2.2.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

❖ Chứng từ sử dụng

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng. Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

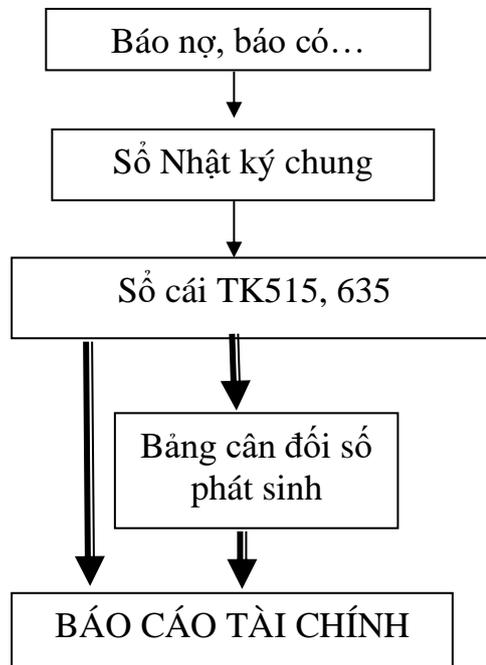
❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, Giấy báo nợ, Giấy báo lãi, sổ phụ của ngân hàng
- Các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 635- Chi phí hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan.

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

- **Ví dụ 1:** Ngày 25 tháng 03 năm 2023, công ty Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C nhận lãi từ ngân hàng Techcombank chi nhánh Hải Phòng số tiền 215.623 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Có (biểu số 2.18) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.20). Từ Nhật ký chung (biểu số 2.20), kế toán ghi vào sổ cái TK 112, 515 (biểu số 2.21)

Biểu số 2.18: Giấy báo có

 TECHCOMBANK Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN Chi nhánh Hải Phòng		GIẤY BÁO CÓ (Không phải hóa đơn GTGT) Ngày: 25/03/2023 Số chứng từ: 112	
Người ra lệnh:		Người hưởng:	
Họ và tên: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Số TK: 10925210666888 Địa chỉ: Số 290 - 292 Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng MST: 0100230800 Tại ngân hàng: Techcombank- Chi nhánh Hải Phòng Số tiền: 215.623,00 Loại tiền: VND (Bằng chữ): Hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng chẵn Số tiền phí: 0,00 Số tiền thuế: 0,00		Họ và tên: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C Số TK: 10925210268016 Địa chỉ: Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng MST: 020120496 Tại ngân hàng: Techcombank- Chi nhánh Hải Phòng Số tiền: 215.623,00 Loại tiền: VND (Bằng chữ): Hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng chẵn	
Tỷ giá			
Nội dung: # Lãi nhập gốc #			
Người in		Người duyệt in	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

- **Ví dụ 2:** Ngày 28 tháng 03 năm 2023, công ty trả tiền lãi vay cho ngân hàng Techcombank chi nhánh Hải Phòng, số tiền 45.263.350 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (biểu số 2.19) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.20). Từ Nhật ký chung (biểu số 2.20), kế toán ghi vào sổ cái TK 112, 635 (biểu số 2.22)

Biểu số 2.19: Giấy báo nợ của ngân hàng

 TECHCOMBANK Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN Chi nhánh Hải Phòng		GIẤY BÁO NỢ (Không phải hóa đơn GTGT) Ngày: 28/03/2023 Số chứng từ: 132	
Người ra lệnh:		Người hưởng:	
Họ và tên: Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C Số TK: 10925210268016 Địa chỉ: Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng MST: 020120496 Tại ngân hàng: Techcombank- Chi nhánh Hải Phòng Số tiền: 45.263.350,00 Loại tiền: VND (Bằng chữ): <i>Bốn mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi đồng chẵn</i> Số tiền phí: 0,00 Số tiền thuế: 0,00		Họ và tên: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Số TK: 10925210666888 Địa chỉ: Số 290 - 292 Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng MST: 0100230800 Tại ngân hàng: Techcombank- Chi nhánh Hải Phòng Số tiền: 45.263.350,00 Loại tiền: VND (Bằng chữ): <i>Bốn mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi đồng chẵn</i>	
Tỷ giá			
Nội dung: Thanh toán lãi vay			
Người in		Người duyệt in	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)



Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung
 Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C Mẫu số: S03a- DNN
 Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
 Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng. ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
03/03	HD69 GBC72	03/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh thu bằng TGNH	112 511 333	19.316.000	17.560.000 1.756.000
			...			
06/03	HD74	06/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền chưa thu tiền	131 511 333	902.900.000	820.818.182 82.081.818
			...			
25/03	BC112	25/03	Lãi tiền gửi nhập gốc	112 515	215.623	215.623
			...			
28/03	BN132	28/03	Thanh toán lãi vay cho ngân hàng	635 112	45.263.350	45.263.350
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	150.928.320.924 207.321.719 130.156.120	151.265.798.763
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - Chi phí khác	911 632 642 635 811	150.759.540.002	132.126.478.730 15.047.395.639 3.569.776.129 15.889.504
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	405.007.009	405.007.009
			Cộng		1.633.078.311.138	1.633.078.311.138

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21. Trích sổ cái TK 515



Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
					
25/02	BC52	25/02	Ngân hàng Techcombank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		122.156
			...			
25/03	BC112	25/11	Ngân hàng Techcombank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	112		215.623
			...			
25/12	BC703	25/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng Techcombank	112		234.351
			...			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính 2023	911	207.321.719	
			Cộng số phát sinh		207.321.719	207.321.719
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)



Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK 635

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu : 635

Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
			...			
28/01	BN61	28/01	Trả lãi cho ngân hàng Techcom bank	112	63.341.250	
			...			
27/02	BN74	27/02	Trả lãi cho ngân hàng Techcom bank	112	52.851.801	
			...			
28/03	BN132	28/03	Trả lãi cho ngân hàng Techcom bank	112	45.263.350	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính 2023	911		3.569.776.129
			Cộng số phát sinh		3.569.776.129	3.569.776.129
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

2.2.5. Nội dung kế toán thu nhập và chi phí khác tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C.

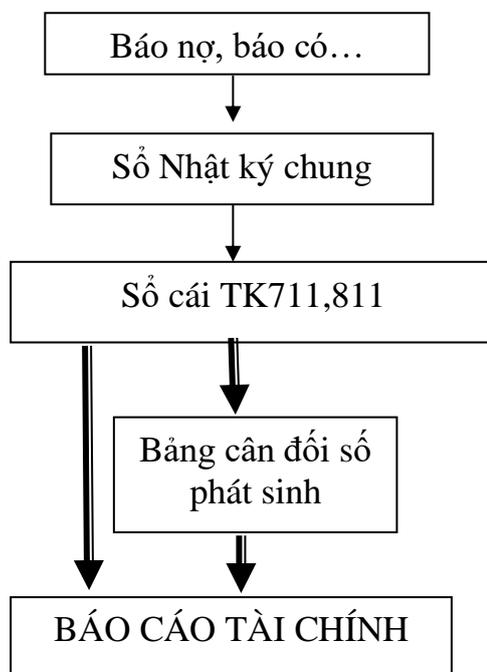
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn GTGT;
- + Phiếu thu, Phiếu chi;
- + Giấy báo Có của Ngân hàng; ...
- + Các chứng từ liên quan: Biên bản thanh lý tài sản cố định; ...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 711 – “Thu nhập khác”
- ✓ TK 811 – “chi phí khác”

❖ **Phương pháp hạch toán.**



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.8. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thu nhập, chi phí khác tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí và thu nhập khác của Công ty chỉ liên quan đến 1 nghiệp vụ duy nhất là hoạt động thanh lý tài sản cố định là ô tô 4 chỗ vào tháng 03/2023 có giá trị còn lại là: 15.889.504 đồng và giá trị thu hồi từ thanh lý chưa bao gồm thuế GTGT là: 130.156.120 đồng.

2.2.6. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

❖ Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

❖ Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

❖ Ví dụ minh họa:

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh Năm 2023.

Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan.

Tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 như sau:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:	150.928.320.924
- Doanh thu hoạt động tài chính:	207.321.719
- Thu nhập khác:	130.156.120
- Giá vốn bán hàng:	132.126.478.730
- Chi phí tài chính:	3.569.776.129
- Chi phí quản lý kinh doanh:	15.047.395.639
- Chi phí khác:	15.889.504
- Thu nhập chịu thuế =	506.258.761
- Thuế TNDN phải nộp = $506.258.761 * 20\%$ =	101.251.752
- Lợi nhuận sau thuế =	405.007.009

Biểu số 2.23. Phiếu kế toán số 19

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số: 19

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	150.928.320.924
2	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính	515	911	207.321.719
3	Kết chuyển doanh thu nhập khác	711	911	130.156.120
	Cộng			151.265.798.763

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24. Phiếu kế toán số 20

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số: 20

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	132.126.478.730
2	Kết chuyển chi phí QLKD	911	642	15.047.395.639
3	Kết chuyển chi phí HĐ chính	911	635	3.569.776.129
3	Kết chuyển chi phí khác	911	811	15.889.504
	Cộng			150.759.540.002

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.25. Phiếu kế toán số 21

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số: 21

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2023	821	3334	101.251.752
	Cộng			101.251.752

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.26. Phiếu kế toán số 22

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số: 22

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	101.251.752
	Cộng			101.251.752

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27. Phiếu kế toán số 23

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số: 23

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế	911	421	405.007.009
	Cộng			405.007.009

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)



Biểu số 2.28: Trích sổ Nhật ký chung
 Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
 Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
 Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03a- DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
 ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Đơn vị: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			...			
03/03	HĐ69 GBC72	03/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Vận tải Đại Dương Xanh thu bằng TGNH	112 511 333	19.316.000	17.560.000 1.756.000
			...			
06/03	HĐ74	06/03	Bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí chính xác Hải Tuyền chưa thu tiền	131 511 333	902.900.000	820.818.182 82.081.818
			...			
08/03	HĐ8 PC114	08/03	Thay bộ lõi lọc RO	642 133 111	500.000 50.000	550.000
			...			
28/03	BN132	28/03	Thanh toán lãi vay cho ngân hàng	635 112	45.263.350	45.263.350
			..			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 515 711 911	150.928.320.924 207.321.719 130.156.120	151.265.798.763
31/13	PKT20	31/12	Kết chuyển: - Giá vốn - Chi phí QLKD - Chi phí HĐTC - Chi phí khác	911 632 642 635 811	150.759.540.002	132.126.478.730 15.047.395.639 3.569.776.129 15.889.504
31/12	PKT21	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	101.251.752	101.251.752
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	405.007.009	405.007.009
			Cộng		1.633.078.311.138	1.633.078.311.138

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29. Trích sổ cái TK 911



Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		150.928.320.924
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		207.321.719
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		130.156.120
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	132.126.478.730	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	15.047.395.639	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	3.569.776.129	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	15.889.504	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	101.251.752	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	405.007.009	
			Cộng số phát sinh		151.265.798.763	151.265.798.763
			Số dư cuối năm			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)



Biểu số 2.30. Trích sổ cái TK 421

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số: S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			5.386.153.127
			Số phát sinh			
			...			
31/12	PKT23	31/1 2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	911		405.007.009
			Cộng số phát sinh		4.072.954.556	405.007.009
			Số dư cuối năm			1.718.205.580

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

Biểu số 2.31: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C
Số 114-LK04 Khu đô thị Ven sông Lạch Tray -
Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.

Mẫu số B02 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		150.928.320.924	236.117.481.452
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			83.664.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		150.928.320.924	236.033.817.452
4. Giá vốn hàng bán	11		132.126.478.730	218.834.242.279
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.801.842.194	17.199.575.173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		207.321.719	28.146.593
7. Chi phí tài chính	22		3.569.776.129	1.173.371.311
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.150.448.087	603.234.300
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		15.047.395.639	16.069.580.236
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		391.992.145	(15.229.781)
10. Thu nhập khác	31		130.156.120	357.002.457
11. Chi phí khác	32		15.889.504	11.500.000
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		114.266.616	345.502.457
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		506.258.761	330.272.676
14. Chi phí thuế TNDN	51		101.251.752	66.054.535
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		405.007.009	264.218.141

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỘNG LỰC T.N.T.C

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

3.1.1. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, công ty nên nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh:

- Mô hình bộ máy kế toán của công ty là kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán trên văn phòng công ty.

- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng trình độ của từng người. Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Công tác kế toán đi vào nề nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch năm, do đó công tác kế toán không bị biến động lớn.

- Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

- Về hình thức sổ kế toán:

Công ty hạch toán ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên, liên tục và đầy đủ.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.... Công ty cũng thường xuyên cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán, giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, phù hợp.

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được công ty ghi chép một cách đầy đủ, chính xác; giúp công ty quản lý chặt chẽ được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh; từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh chi phí một cách hợp lý để tăng lợi nhuận của công ty.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C còn bộc lộ những hạn chế sau:

❖ **Thứ nhất, về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán:**

Tuy bộ máy kế toán của công ty bao gồm những người năng động, nhiệt tình nhưng do sự phân công công việc cho các nhân viên chưa phù hợp. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc trong công ty.

Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

❖ **Thứ hai, về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra công ty có nguồn kinh phí hợp lý kịp thời cho những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu những ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại Công ty có phát sinh các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng công ty lại chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản này.

❖ **Thứ ba, về hệ thống sổ sách kế toán:** Công ty không lập sổ chỉ tiết tài khoản 642 nên khó theo dõi được nội dung các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ, từ đó công tác quản lý chi phí quản lý doanh nghiệp chưa hiệu quả.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán để phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty. Nếu doanh nghiệp thấy không phù hợp thì có kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong khuôn khổ nhất định và có sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, ngày càng phát triển. Do đó, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để một phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

➤ ***Kiến nghị 1: Về tổ chức bộ máy kế toán và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.***

Để có bộ máy kế toán hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật thì cần hoàn thiện bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong công ty.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và áp dụng yêu cầu quản lý, Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,.. Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty.

Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế

toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.

Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Bộ máy kế toán sắp xếp đúng người, đúng việc để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác. Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

➤ ***Ý kiến thứ 2: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.***

Hiện nay, Công ty đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

* *Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng:* Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC.

* *Điều kiện để trích lập dự phòng:*

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Các trường hợp xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

+ Những khoản nợ quá 3 năm trở lên thì được coi như nợ không có khả năng thu hồi.

* *Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:* từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 30%, từ 1 năm đến dưới 2 năm: 50%, từ 2 năm đến dưới 3 năm: 70%, từ 3 năm trở lên: 100%.

* *Tài khoản sử dụng:* Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

* *Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm tài chính N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn so với kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này lớn hơn số trích lập kì trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có K 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

Ý nghĩa của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là: giúp công ty đánh giá được khả năng tính toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

Ví dụ 3.1: Theo kết quả tính toán được số tiền công ty cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại 31/12/2023 được thể hiện trong bảng sau:

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
Tại ngày 31/12/2023

STT	Tên Khách Hàng	Số Tiền Nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Cơ giới Hồng Đăng	718.023.830	9 tháng 12 ngày	30%	215.407.149
2	Công ty Cổ phần Thương mại Cơ điện Phong Đức	1.120.326.780	10 tháng 2 ngày	30%	336.098.034

	Tổng cộng	6.710.023.206			2.130.356.874

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Tổng số tiền cần phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2023 cho khoản nợ quá hạn là: 2.130.356.874 đồng.

Căn cứ vào các số liệu trên, kế toán ghi:

Nợ TK 642: 2.130.356.874

Có TK 229(3): 2.130.356.874

➤ **Ý kiến thứ 3: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán**

Để việc theo dõi và quản lý chi phí quản lý kinh doanh được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết tài khoản 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố và ứng với mỗi yếu tố chi phí là tài khoản được mở chi tiết tương ứng:

- ✓ **Tài khoản 642** có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2, cấp 3

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Bên cạnh việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố để phục vụ cho công tác quản trị chi phí, thì doanh nghiệp cũng có thể phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả cho từng mặt hàng, dịch vụ. Điều này sẽ giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chuẩn xác hơn.

Biểu số 3.1: Sổ chi phí quản lý kinh doanh

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT - BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2023

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ TK 642										
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra									
						6421					6422				
						64211	64212	...	Cộng	64221	64222	64228	Cộng		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9		

Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Giám đốc
(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2023).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo ***Ths. Nguyễn Thị Mai Linh*** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Nguyễn Thị Hòa

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty cổ phần Động Lực T.N.T.C (2023) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên mạng internet.